PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 28/2013/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2013 ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam; Danh mục vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam

DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

Phụ lục 1
DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2013/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

C. DANH MỤC THUỐC, NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC THÚ Y ĐƯỢC NHẬP KHẨU

(Tiếp theo Công báo số 379 + 380)

KOREA

1. Công ty Choongang Biotech

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Ampi Coli	Ampicillin, Colistin	Gói, hộp	100g; 500g	Phòng và trị các bệnh CRD, E.coli, viêm phế quản, hội chứng MMA ở lợn	CAC-1
2	Permasol-AD_3EC	Vitamin A, D_3, E, C	Chai	100; 500; 1000ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	CAC-4
3	Viamine	Multivitamin	Chai	500; 1000ml	Bổ sung vitamin	CAC-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Salinomycin 6%	Salinomycin	Bao, thùng	25kg	Phòng và trị cầu trùng	CAC-7
5	Permasol-500	Electrolytes, vitamin, amino	Gói, bao	100g; 1; 10kg	Kích thích tăng trọng, bổ sung vitamin	CAC-8
6	Niacin	Niacin	Bao, thùng	20kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu niacin	CAC-9
7	Vitamin E-50%	Vitamin E	Bao, thùng	20kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin E	CAC-10
8	Coccirol-S	Amprorium, Sulfaquinoxaline	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 5000g 1; 2; 5; 10; 25kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng ở gia cầm	CAC-11
9	Methomix-WP	Sulfachloropyridazine, Trimethoprim	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 5000g 1; 2; 5; 10; 25kg	Phòng và trị bệnh E.coli ở heo, bệnh CRD,... ở gia cầm	CAC-13
10	Terra Egg Formula	Oxytetracyclin, Multivitamin	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 5000g 1; 2; 5; 10; 25kg	Tăng sức đề kháng, bổ sung vitamin	CAC-14
11	Larvicide	Cypermethrin	Gói, bao	500g; 1; 5; 10; 20kg	Phòng trị các loại côn trùng, ruồi, ong	CAC-16
12	E-Mycin	Erythromycin	Gói, bao	100g; 1; 5; 10; 20kg	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin	CAC-17
13	Cyper Killer	Cypermethrin	Gói	15; 30; 150; 300; 600g	Phòng trị các loại côn trùng, ruồi, ong	CAC-18
14	Zin-Methionine	Zine, Methionine	Gói, bao	10; 20; 30; 100g; 1kg 5; 10; 20kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu kẽm	CAC-19
15	All-Treat	Enrofloxacin	Lọ	500ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa	CAC-21
16	ChoongAng Coccirol (Amprol-20%)	Amprolium	Bao, thùng	1; 20kg	Trị cầu trùng gà	CAC-22

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
17	P-mectin tablet	Ivermectin	Lọ	50; 100; 150; 200 viên	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng	CAC-23
18	P-mectin premix	Ivermectin	Gói, bao	333g; 1kg; 5; 10; 20kg	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng	CAC-24
19	P-mectin Inj	Ivermectin	Chai, lọ	50; 100; 200; 500ml	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng	CAC-25

2. Công ty Dae Sung Microbiological Labs.Co., Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Bicom - C Inj	Vitamin B_1, B_2, B_6, C, nicotinamide, DL-methionin	Chai	20; 50; 100ml	Phục hồi thú bệnh. Ngăn chặn và hỗ trợ thú suy nhược, biếng ăn, ngộ độc	DAS-2
2	Solon - M Inj	Prednisolon, Chlopheniramin	Chai	20; 50; 100ml	Trị các chứng đau nhức, viêm tử cung cấp tính, bệnh dị ứng. Giảm viêm và phù	DAS-3
3	Ami - vicom Inj	Vitamin B_2, B_6, PP, C, Histidine, Tryptophan	Chai	20; 50; 100ml	Ngăn chặn và hỗ trợ thú suy nhược, biếng ăn, sử dụng trước phẫu thuật. Ngăn ngừa chứng thiếu protein và vitamin	DAS-4
4	Enrotil 10% Inj	Enrofloxacin	Chai	20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy do E.coli, Salmonella, bệnh hô hấp do Mycoplasma, Pasteurella trên gia súc. CRD, CCRD, Coli, Salmonellosis trên gia cầm	DAS-5
5	Carasil Inj	Butaphosphan, Vitamin PP, Methionin	Chai	50; 100; 500ml; 1; 5l	Trợ sức, phục hồi sản lượng sữa. Phục hồi thú suy nhược, rối loạn chuyển hóa, liệt. Tăng sức đề kháng	DAS-6
6	Helmintic	Oxybendazole	Gói	150, 300, 600g, 1; 5kg	Trị các loại giun sán như Ascaris suum, Oesophagostmum spp cho heo	DAS-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
7	Vita gold super	Vitamin A, D_3, E, C, K_3, B_1, B_2, B_6, B_{12}, H, Ca, Choline bitartrate, Nicotinamide, Folic acide, L-lysin, DL-methionin	Gói, bao	100, 500g, 1; 5; 10kg	Trị bệnh do thiếu vitamin, bệnh suy nhược, chậm lớn, các bệnh về da cho trâu, bò, heo, gà	DAS-8
8	Spectino SH	Spectinomycin hydrochloride	Chai	50; 100; 250ml	Trị tiêu chảy do Salmonella và E.coli cho heo	DAS-9
9	Ferrum 200 Inj	Sắt (Fe)	Chai	20; 50; 100; 200ml	Phòng và trị chứng thiếu máu trên heo con	DAS-10
10	DS AD_3E 500 Injection	Vitamin A, D_3, E	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Phòng, trị còi xương, nhuyễn xương, hạn chế vận động, teo cơ trên trâu, bò, heo, dê, cừu	DAS-11
11	Ccegio Injection	Ceftiofur sodium	Lọ	0.5; 1; 1,25; 2,5; 4g	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	DAS-12
12	New coccin for Poultry	Toltrazuril	Chai	50; 100; 500ml; 1; 5l	Phòng và trị cầu trùng gà	DAS-13
13	New coccin (for Piglet)	Toltrazuril	Chai	50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị cầu trùng trên heo con	DAS-14
14	Tylopen Injection	Thiamphenicol, Tylosin tartrate, Prednisolone	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, tiêu chảy, hội chứng MMA trên trâu, bò, heo, dê, cừu	DAS-15
15	Amoxi-Hi Inj	Amoxycilline, Colistin	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị viêm ruột, viêm phổi - màng phổi, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	DAS-16

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
16	Amoxi-Hi W.S	Amoxycilline, Colistin	Bao, túi	100; 500g; 1; 5; 20kg	Trị viêm ruột, viêm phổi - màng phổi, nhiễm trùng tiết niệu trên bê, ngựa con, heo, cừu, dê, gia cầm	DAS-17
17	Enrotil 10% Solution	Enrofloxacin	Chai	100; 250; 500ml; 1l	Trị hô hấp, tiêu hóa trên gà, vịt	DAS-18
18	DS Amoxi L.A inj	Amoxicillin trihydrate	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị bệnh do Pasteurella, Salmonella, E.coli, viêm phổi - màng phổi, viêm phế quản trên trâu, bò, heo, cừu, chó, mèo	DAS-19
19	Cofenhigh solution	Florfenicol	Chai	100; 500ml; 1l	Trị hô hấp, tiêu chảy, viêm ruột trên heo, gia cầm	DAS-20
20	Tilmix 200 Powder	Tilmicosin phosphate	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo	DAS-24
21	Tilmix 250 solution	Tilmicosin phosphate	Chai	100; 500ml; 1; 5; 10l	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn, gia cầm	DAS-25

3. Công ty Eagle Vet.Tech

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Tylosin 100	Tylosin	Chai	50ml	Trị viêm phổi, dấu son, hồng ly,...	EAG-3
2	Tylosin 200 (20%)	Tylosin	Chai	20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, dấu son, hồng ly,...	EAG-4
3	Ampicol	Ampicillin, Colistin sulfate	Chai	50ml	Trị viêm ruột, nhiễm trùng hô hấp, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp	EAG-5

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Lesthionin C	Vit C, Vit nhóm B	Chai	50, 100ml	Trị rối loạn chức năng gan	EAG-8
5	Vitapoult A	Vit A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C	Gói	100g	Trị rối loạn biến dưỡng, ngừa stress, cung cấp vitamin	EAG-9
6	Lincospec	Lincomycin, Spectinomycin	Chai	50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia súc	EAG-10
7	Oxyvet 5% Inj	Oxytetracycline, Lidocain	Lọ	50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia súc	EAG-11
8	Sulmidin Inj	Sulfamethazine	Chai	100, 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa	EAG-14
9	Dexamethasone	Dexamethasone	Lọ	5, 20, 50, 100ml	Kháng viêm	EAG-15
10	Diminal	Diminazene, Phenazone	Túi	2,36; 23,6g	Phòng và trị ký sinh trùng	EAG-16
11	Tylo - PC gold	Tylosin tatrat, Thiamphenicol, Prednisolon	Lọ	50; 100ml	Trị viêm phổi, phế quản viêm tử cung, đau móng, viêm vú, nhiễm trùng máu trâu, bò, bê, nghé, heo, dê, cừu	EAG-17
12	Collie-AM	Ampicillin, Colistin	Gói	100; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn Gram(-) và Gram(+) gây ra trên lợn, gia cầm	EAG-18
13	Oxyvet-LA Inj	Oxytetracycline dihydrate	Lọ	10; 20; 30; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline gây ra trên trâu, bò, lợn	EAG-19
14	Coccitoltrazol	Toltrazuril	Chai, thùng	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5; 10; 20; 25; 50 lít	Trị bệnh cầu trùng ở gia cầm	EAG-20
15	Enprotil	Enrofloxacin	Chai, thùng	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5; 10; 20; 25; 50 lít	Trị bệnh CRD, CCRD, Salmo-nellosis, Colibacillosis	EAG-21

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
16	Eagle COX.SOL	Toltrazuril	Chai, thùng	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5; 10; 20; 25; 50 lít	Trị cầu trùng ở bê và lợn con	EAG-22
17	Doxy 200 WSP	Doxycycline hyclate	Bao, gói, thùng	10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 15, 20, 25, 50kg	Trị CRD, CCRD, E.coli trên gia cầm; trị sốt vận chuyển, tiêu chảy, viêm màng phổi trên trâu, bò, heo	EAG-23
18	Doxy 300 WSP	Doxycycline hyclate	Bao, gói, thùng	10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 15, 20, 25, 50kg	Trị CRD, CCRD, E.coli trên gia cầm; trị sốt vận chuyển, tiêu chảy, viêm màng phổi trên trâu, bò, heo	EAG-24
19	Flumequine 500 WSP	Flumequine	Bao, gói, thùng	10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 15, 20, 25, 50kg	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine như E.coli, Salmonella, Pasteurella trên heo, gia cầm	EAG-25

4. Công ty Komipharm International Co., Ltd

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Amcicoli D Inj	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Chai	10, 50, 100, 500ml	Trị bệnh đường ruột E.coli, phù đầu, thương hàn	KMB-1
2	Aminovital High Inj	Dextrose, Calcium, Acid amins, Vit B_2, B_5	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Phòng mất nước, cân bằng điện giải, sốt cao, tiêu chảy, trường hợp mất máu,...	KMB-2
3	Komikill 10	Flumequine, Sodium carbonate	Gói	100g	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, đường ruột, viêm ruột, tiêu chảy	KMB-3

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Sulfa 33 Inj	Sulfamethazine sodium	Chai	50; 100ml	Điều trị viêm phổi, viêm ruột, viêm vú	KMB-7
5	Amoxyllin Combi	Amoxicillintrihydrate	Gói	100g	Điều trị viêm phổi, ruột, thương hàn,...	KMB-8
6	Erybactrim	Erythromycin, Trimethoprim	Gói	100g	Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp dạ dày ruột, viêm phổi, viêm ruột,...	KMB-9
7	Komi Tocovita Inj	Vitamin A, D_3, E	Chai	10; 20; 100ml	Nâng cao thành tích sinh sản kích thích tăng trưởng	KMB-11
8	Erymycin Powder	Erythomycin thiocyanate	Gói	100g	Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm phổi	KMB-12
9	Komitril 100 Inj	Norfloxacin	Chai	20; 50; 100ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, E.coli, thương hàn	KMB-13
10	Komibiotril 25 Inj	Enrofloxacin	Chai	10, 20, 50, 100, 200ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, E.coli, thương hàn	KMB-14
11	Komibiotril 50 Inj	Enrofloxacin	Chai	10, 20, 50, 100, 200ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, E.coli, thương hàn	KMB-15
12	Komibiotril 100 Inj	Enrofloxacin	Chai	10, 20, 50, 100, 200ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, E.coli, thương hàn	KMB-16
13	Komibiotril 100 Sol	Enrofloxacin	Chai	10, 20, 50, 100, 200, 250; 500ml, 1l, 5l	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, E.coli, thương hàn	KMB-17
14	Combicillin-LA, Inj	Procaine Penicillin, Penzathine Penicillin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp, viêm tử cung,...	KMB-21
15	Komiserastress, Inj	Acepromazine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	An thần	KMB-22

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
16	Komiprednisolone, Inj	Prednisolone	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Kháng viêm	KMB-23
17	Flostar	Florfenicol	Túi, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20; 25; 50kg	Trị viêm phổi trên heo	KMB-24
18	Carosil	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Chai, bình	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5l	Trị rối loạn chuyển hóa, phục hồi sức khỏe, còi cọc ở thú non, rối loạn chuyển hóa do suy dinh dưỡng trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, gia cầm, chó, mèo	KMB-25
19	Amci Coli Powder-100	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi, bao	100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Colistin trên trâu, bò, heo, gia cầm	KMB-26

5. Công ty Samyang Anipharm

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Tonosal B Inj	Tonophosphan, Vit B_{12}	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và điều trị các bệnh rối loạn chuyển hóa kali, sốt sữa	SPC-2
2	Tylocetin Inj	Tylosin	Lọ	20; 50; 100ml	Cân bằng điện giải, bồi dưỡng cơ thể, kích thích tạo sữa,...	SPC-3
3	Viamin-34 Inj	Na, Ca, K, Mg, Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, acid amin	Lọ	20; 50; 100ml	Cung cấp các chất điện giải, vitamin	SPC-4
4	Manyang p	Acillin, Vitamin B_1, B_2, B_3, PP, Calcium carbonate	Gói, bao	100; 500g; 1; 10; 25kg	Tăng khả năng đẻ trứng, tạo sữa cho gia súc, gia cầm	SPC-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5	Coccilock sol	Toltrazuril	Lọ	500ml	Trị cầu trùng trên gia cầm	SPC-19
6	Vitagrow - M	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_6, B_{12}, B_3, B_9, C, PP, $ZnSO_4$, $FeSO_4$, $CuSO_4$, KI, DL-Methionine, Lysin HCl	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin, khoáng ở gia súc, gia cầm	SPC-14
7	Enpro sol	Enrofloxacin	Chai	100; 250; 500ml; 1; 5 lít - 3.785 lít	Phòng và trị các bệnh CRD, CCRD, tiêu chảy do E.coli, Salmonella	SPC-15
8	Cephalexin	Cephalecin, Neomycin sulfate, Dexamethasone acetate	Syringer	7,5g	Phòng và trị chứng viêm vú cấp và mãn tính, bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Cephalecin, Neomycin,...	SPC-16
9	Enpro-100	Enrofloxacin HCl	Chai	100; 500ml	Trị thương hàn, phó thương hàn, tiêu chảy phân trắng, phân xanh, viêm đường hô hấp	SPC-17
10	Coccidon susp	Toltrazuril	Lọ	100ml	Trị tiêu chảy do cầu trùng gây ra trên lợn con	SPC-18
11	Butaphos B Inj	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Chai	50; 100ml	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa, trao đổi chất, dinh dưỡng kém chậm phát triển ở gia súc non	SPC-20
12	Flocol-300 inj	Florfenicol	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, heo	SPC-21
13	SY Ampicoli W.S.P	Ampicillin trihydrat, Colistin sulfate	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gà	SPC-22
14	Forcetil sol	Tilmicosin phosphate	Chai	100; 200; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin trên lợn, gia cầm	SPC-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
15	Flocol-200 sol	Florfenicol	Chai	100; 200; 500ml; 1 lít	Trị tiêu chảy, hô hấp trên lợn, gia cầm	SPC-24
16	Samyang premix p	Vitamin A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, D_3, E, K_3, Folic acid, DL-Methionine, L-Lysine HCl, Calcium pantothenate, Nicotinamide, Choline chloride, $MnSO_4$, $ZnSO_4$, $CoSO_4$, $CuSO_4$, $FeSO_4$	Gói, bao, xô	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Phòng chống stress, tiêu chảy, mất nước trên trâu, bò, ngựa, lợn, gia cầm	SPC-25
17	Vitagrow p	Vitamin A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, D_3, E, K_3, Folic acid, DL-Methionine, L-Lysine, Calcium Pantothenate, Nicotinamide	Gói, bao, xô	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Phòng chống stress, tăng cường sức đề kháng trên trâu, bò, lợn, gia cầm	SPC-26
18	Amocillin-20 W.S.P	Amoxicillin trihydrate	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycillin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	SPC-27
19	Doxyvet-200 W.S.P	Doxycycline hyclate	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	SPC-28

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
20	Tylosin-50 W.S.P	Tylosin tartrate	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	SPC-29
21	Tylosin-200 Inj	Tylosin tartrate	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm tử cung, viêm niệu đạo, viêm vú, thối móng, bệnh do xoắn khuẩn (Leto), sốt vận chuyển, nhiễm trùng thứ phát từ các bệnh truyền nhiễm do virus trên trâu, bò, lợn, chó, mèo, gia cầm	SPC-30
22	Actifarm	Taurine, Methionine, Ascorbic acid, Sorbitol	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Hỗ trợ trong điều trị bệnh, phòng stress, giải độc gan	SPC-31
23	Hicool sol	Bromhexine, Phenylbutazone	Chai	500ml; 1l	Hỗ trợ điều trị viêm hoặc nhiễm trùng như viêm mũi, thanh khí quản, viêm phế quản phổi, viêm phổi trên lợn, gà	SPC-32
24	Tyful inj	Florfenicol, Tylosin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, như: viêm phổi, viêm phế quản do *Actinobacillus pleuropneumoniae, Pasturella multocida, Mycoplasma hyoneumoniae, Haempphilus parasuius* và bệnh đường tiêu hóa, đặc biệt tiêu chảy do *Salmonella*, *E.coli* trên lợn	SPC-33
25	SY-Tausulfa p	Sulfathiazole sodium, Taurine	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị cầu trùng, bệnh Coryza, bệnh do tụ cầu khuẩn trên gia cầm. Trị bệnh đường ruột, viêm phổi, viêm nội mạc tử cung trên trâu, bò, lợn	SPC-34
26	Amoxicoli p	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị bệnh viêm đường hô hấp, đường tiêu hóa và đường niệu sinh dục trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	SPC-35

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
27	SY-Aspirin-C p	Aspirin, Vitamin C	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Hạ sốt, giảm đau trên trâu, bò, lợn, gà	SPC-36
28	Vita AD_3E inj	Vitamin A, D_3, E	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Phòng và trị bệnh do thiếu hụt vitamin A, D_3 và E, bệnh còi xương, loãng xương, rối loạn sinh sản, suy giảm chức năng vận động trên trâu, bò, cừu, lợn, chó	SPC-38
29	U-Chitomin sol	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, Taurine, Chito-Oligosaccharides	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1; 4; 5; 10; 18l	Phòng và trị thiếu hụt vitamin, tăng cường khả năng miễn dịch, phòng chống stress trên trâu, bò, lợn, gà	SPC-39
30	Beecom - S inj	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, PP	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin, stress, giúp phục hồi nhanh sau khi phẫu thuật, mắc bệnh truyền nhiễm, gan bị tổn thương, hỗ trợ trong điều trị các bệnh về da, viêm dây thần kinh trên trâu, bò, ngựa, cừu, lợn	SPC-41
31	Lincomycin inj	Lincomycin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, áp xe, nhiễm trùng thứ phát trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	SPC-42
32	O.T.C-LA inj	Oxytetracycline	Chai	10; 20; 50; 100; 250 500ml	Trị viêm phổi, bệnh do xoắn khuẩn (Lepto), viêm móng, viêm vú, viêm ruột, viêm khớp, nhiễm trùng vết thương, tụ huyết trùng, bệnh đóng dấu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	SPC-43
33	Genta-50 inj	Gentamycin	Chai	10; 20; 50; 100; 250 500ml	Trị viêm phổi, viêm đường tiết niệu, sảy thai truyền nhiễm, nhiễm trùng máu, tiêu chảy trên trâu, bò, lợn, gia cầm, chó, mèo	SPC-44

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
34	SY Tylo-Dox W.S.P	Doxycycline, Tylosine	Gói, bao	100; 500g; 1; 2; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	SPC-46
35	Flofarm-40P	Florfenicol	Gói, bao	100; 500g; 1; 2; 5; 10; 20kg	Trị viêm phổi trên lợn	SPC-47
36	Super AD_3E Sol	Vitamin A, D_3, E	Chai, can	1; 2; 5; 10; 18 lít	Tăng cường miễn dịch, giảm stress do thay đổi khí hậu, bổ sung Vitamin A, D_3, E, tăng khả năng sinh sản trên trâu, bò, lợn, gia cầm	SPC-48

6. Công ty Yoonee Chemical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Neotetra W.S	Oxytetracycline, Neomycin	Bao	100; 500g; 1kg	Trị bệnh do E.coli, thương hàn, viêm phổi, tụ huyết trùng	YCK-1
2	Quinoxyl 200 liq	Norfloxacin	Chai	100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do E.coli, thương hàn, viêm phổi, tụ huyết trùng	YCK-4

7. Công ty Namjon

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Enroxyl solution	Enrofloxacin	Chai	500ml; 1 lít	Viêm phổi do Mycoplasma, tiêu chảy do E.coli	NJK-01
2	Newmequin	Flumequine	Chai, bình	10; 20; 25; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5; 20; 25l	Trị Colibacillosis, Salmonellosis, Staphylococcosis, viêm phổi trên gia cầm	NJK-2
3	Enroxyl Oral Sol	Enrofloxacin	Chai	200; 250; 500ml; 1 lít	Trị CCRD, C.R.D, bệnh do E.coli, Salmonella, THT trên gia cầm	NJK-3

8. Công ty Shinil Biogen Co., Ltd

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Norfloxillin 200	Norfloxacin	Chai	50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa,...	SIL-1
2	Norfloxillin Inj	Norfloxacin	Chai	50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa,...	SIL-2
3	Spira - SM Inj	Spiramycin, Streptomycin	Chai	50; 100ml	Tiêu chảy, viêm phổi địa phương, dấu son	SIL-4
4	Amilyte Inj	Khoáng, điện giải	Chai	20; 50; 100; 500ml; 1l	Cung cấp axít amin, chất điện giải, tăng sức đề kháng	SIL-3
5	B-Comp Inj	Vitamin nhóm B	Chai	50; 100ml	Rối loạn biến dưỡng, chậm thay lông	SIL-5
6	Sulfaprim inj	Trimethoprim, Sulfamethoxazole	Chai	50, 100ml	Tác dụng vi khuẩn gr(-), gr(+)	SIL-6
7	Kanamycin Inj	Kanamycin	Chai	50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường ruột ở gia súc	SIL-8
8	Cow-Lyte	Chất điện giải	Gói	100, 500g	Cung cấp chất điện giải	SIL-9
9	Royal Vitaplex W.S	Các loại Vitamin, Lysin, Methionine	Gói	100; 500g; 1; 5kg	Cung cấp các vitamin và các acid amin thiết yếu	SIL-11
10	Ampicoli W.S	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói	100g, 500g, 1kg	Viêm ruột, nhiễm trùng hô hấp, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp	SIL-12
11	Metapyrone Inj	Sulpyrine	Chai	10, 20, 50, 100, 250ml	Hạ sốt	SIL-14
12	Toposal Inj	Tonophosphan	Chai	20, 50, 100, 500ml	Kích thích tăng trọng, phục hồi sức khỏe	SIL-17
13	Flotec-Mix	Florfenicol	Gói	100; 200; 500g; 1kg, 5kg, 10kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Florfenicol gây ra trên lợn	SIL-18
14	Cocci-Zione 25 sol	Toltrazuril	Chai	100ml, 500ml, 1 lít	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên gà	SIL-19

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
15	Flotec 200 sol	Florfenicol	Chai	100ml, 500ml, 1 lít	Trị bệnh gây ra bởi vi khuẩn mẫn cảm với Florfenicol	SIL-20
16	Alfamox L.A	Amoxicillin trihydrate	Lọ	50ml, 100ml	Trị viêm phế quản, viêm teo mũi, viêm phổi và viêm vú	SIL-21
17	Hytril sol	Enrofloxacin	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do các vi khuẩn mẫn cảm với Enrofloxacin gây n	SIL-22
18	Vita-Lyte sol	Vit B_2, B_6, B_{12}; Sodium chloride; Potassium chloride; Magnesium chloride, CaCl, Citric acid	Chai, can	100; 500ml; 1; 5 lít	Phòng và trị các trường hợp mất nước	SIL-23
19	Sulfaprim sol	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Lọ, can	50; 100; 500ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfamethoxazole và Trimethoprim	SIL-24
20	Cocci-Zione 50 suspesion	Toltrazuril	Lọ, chai	50; 100; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng lợn	SIL-25
21	Sl Ivermectin 1% inj	Ivermectin	Lọ, chai	20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng trị nội ngoại ký sinh trùng	SIL-26
22	Dexferron inj	Iron, Vitamin B_{12}	Chai	100ml	Phòng bệnh thiếu máu trên heo con	SIL-27
23	Amimox	Amoxicillin trihydrate; Gentamycin Sulfate	Chai	50; 100; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, tiêu chảy trên bê, lợn con	SIL-29
24	Mytil Sol	Tilmicosin (phosphate)	Ống, chai, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin gây ra trên bê, nghé, lợn, gà	SIL-30

9. Công ty Dea Han New Pharm

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Ex-cell	Certriofur	Lọ	1; 4g	Phòng và trị các bệnh nhiễm khuẩn ở gia súc, gia cầm	DHK-1
2	Qrex	Ceftiofur	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	DHK-2
3	Neoflor 300 inj	Florfenicol	Chai	50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo	DHK-3
4	Neoflor 20% oral sol	Florfenicol	Chai	100; 500ml; 1; 5; 10l	Trị Salmonellosis, Colibacillosis trên gà	DHK-4
5	Pigcoc	Toltrazuril	Chai	100ml	Trị cầu trùng gây tiêu chảy trên heo con	DHK-5
6	TM 10% Inj	Oxytetracycline HCl	Lọ	50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, dạ dày ruột, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu	DHK-6

10. Công ty Green Gross Veterinary Products

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Rholexine solution	Flumequine	Chai	500ml	Phòng và điều trị các bệnh nhiễm khuẩn Ecoli, Salmonella ở gà, vịt	GGVK-04
2	Catovita	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Chai, thùng	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5; 10; 20; 25; 50l	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa, trao đổi chất, dinh dưỡng kém chậm phát triển gia súc, gia cầm	GGVK-5
3	G.C. Gentamicin inj	Gentamycin sulfate	Chai	100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm bàng quang, viêm tử cung, nhiễm trùng vết thương, viêm da trên trâu, bò, heo, gà, chó, mèo	GGVK-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	Penifl - 30 Inj	Florfenicol	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, heo	GGVK-8
5	G.C Enrofl 100-Inj	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị bệnh đường hô hấp, Colibacillosis, Salmonellosis trên trâu, bò, heo	GGVK-9
6	Greencox 5% suspension	Toltrazuril	Chai	100ml	Trị cầu trùng trên bê, nghé, heo con	GGVK-10
7	Catoforce Inj	Butaphosphan, Vitamin B_{12} Taurine, Nicotinamide DL-methionin	Chai	100ml	Trị rối loạn chuyển hóa, tăng sức đề kháng trên gia súc, gia cầm, chó, mèo	GGVK-11
8	Greentix	Amitraz	Chai	100ml	Trị ve, ghẻ, rận trên trâu, bò, cừu, heo	GGVK-12
9	Combimycin Inj	Procaine penicillin G Dihydrostreptomycin sulfate	Chai	10ml	Trị bệnh do vi khuẩn Gram âm nhạy cảm với Penicillin và Streptomycin gây ra trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	GGVK-14
10	Greencox solution	Toltrazuril	Chai	1 lít	Trị cầu trùng trên gà	GGVK-15
11	Amoxylplus WSP	Amoxycillin Trihydrate	Túi, gói	500g	Trị viêm phổi, tiêu chảy trên trâu, bò, heo, gà	GGVK-16
12	G.C Enropower solution	Enrofloxacin	Chai	1 lít	Trị thương hàn, Colibacillosis, bệnh do Mycoplasma, Coryza trên gà	GGVK-17
13	G.C Amoxyl 150LA-Inj	Amoxicillin trihydrate	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày - ruột, tiết niệu, da và mô mềm trên trâu, bò, heo	GGVK-18

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
14	Rholexin 10% Solution	Flumequine	Chai	1 lít	Trị Colibacillosis trên heo, gà	GGVK-19
15	Amoxylphen 200	Amoxycillin Trihydrate Acetaminophen DL-Methlylephedrine HCl	Gói	1kg	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, thương hàn, Colibacillosis trên trâu, bò, heo	GGVK-20
16	G.C Colistin 20	Colistin sulfate	Gói	1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên bê, lợn, gia cầm	GGVK-21
17	Rapitol - Inj	Tolfenamic acid	Chai	100ml	Hạ sốt, giảm đau trên trâu, bò, heo	GGVK-23
18	Tonococktail solution	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_6, C, K_3, Calcium pantothenate, Tonophosphan, DL-methionin	Chai	1 lít	Tăng cường chuyển hóa, ngăn ngừa tình trạng thiếu Vitamin A, D, E, K trên trâu, bò, heo, gia cầm	GGVK-24
19	Trimex solution	Sulfamethoxazole Trimethoprim	Chai	1 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp, sinh dục trên heo, gia cầm	GGVK-25
20	G.C Tylosin 50 WSP	Tylosin tartarate	Gói	100g; 1kg	Trị bệnh do Mycoplasma trên gà; trị lỵ trên heo	GGVK-26

11. Công ty Samu Median

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Exfo Inj	Ceftiofur HCl	Chai	50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, viêm tử cung cấp tính; thối móng, viêm da trên trâu, bò, heo	SMC-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Megafen-S solution	Florfenicol	Chai	500ml; 1; 1,5; 5 lít	Trị viêm đường hô hấp do các vi khuẩn mẫn cảm với Florfenicol trên heo, gà	SMC-2
3	Coliamcin Inj	Ampicllin, Colistin sulfate	Chai	50ml	Trị bệnh do Mycoplasma, Actinobacllus gây ra, tiêu chảy, viêm tử cung, viêm vú, bệnh tiêu hóa	SAMU-05
4	B-Multi Inj	Thiamine hydrochloride, Riboflavin phosphat sodium, Pyridoxine hydrochloride, Nicotinamide, Dextrose	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu viatmin; tăng quá trình trao đổi chất; tăng sức đề kháng phòng bệnh	SAMU-07
5	Histamin Inj	Chlorpheniramine maleate, Vitamin B_6, Calcium bromide	Chai	20ml	Phòng chống dị ứng cho gia súc	SAMU-08
6	Medicox solution	Toltrazuril	Chai, can	100; 200; 500ml; 1; 5 lít	Trị bệnh cầu trùng trên gà	SAMU-9
7	Vitation Forte injection	Vitamin A, D_3, E	Chai	10; 20; 50; 100ml	Tăng sức đề kháng, trị bệnh mềm xương, còi xương và thiếu vitamin A, D_3, E	SAMU-10
8	Polycox	Toltrazuril	Chai, lọ	10; 100ml	Trị cầu trùng trên bê, nghé, lợn con	SAMU-11
9	Amoxicol	Amoxicilline trihydrate; Colistin	Túi, gói	100g; 1; 10kg	Trị viêm phổi, viêm màng phổi, viêm phổi Salmonellosis, Colibacillosis, viêm teo mũi (AR), tụ huyết trùng, CRD, Coryza trên trâu, bò, bê, lợn và gia cầm	SAMU-12
10	Restil solution	Tilmicosin Phosphate	Chai, lọ	100; 500ml	Trị viêm phổi, Mycoplasmosis trên lợn, gia cầm	SAMU-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
11	Tolfen Inj	Tolfenamic acid	Chai	50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp và viêm vú cấp tính trên trâu, bò và hội chứng MMA (Viêm tử cung, viêm vú, hội chứng cạn sữa) trên lợn	SAMU-14
12	Genta LA	Gentamycin sulfate	Chai, lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm tử cung, viêm vú, viêm da, nhiễm khuẩn huyết, viêm teo mũi, colibacillosis trên trâu, bò, lợn, gia cầm	SAMU-15
13	Vitpro	Vitamin A, D, E, K_3, B_1, B_2, B_3, B_5, B_6, B_9, B_{12}, C, DL-Methionin	Gói, túi	1; 5kg	Trị bệnh thiếu hụt vitamin, stres, hỗ trợ trong việc phòng trị bệnh trên trâu, bò, lợn, gia cầm	SAMU-16
14	Bestril	Enrofloxacin	Chai, lọ	100ml; 1 lít	Trị Collibacillosis, Salmonellosis, Mycoplasmosis, sổ mũi truyền nhiễm trên gia cầm	SAMU-17
15	Megafen-F	Florfenicol	Bao, gói	1; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	SAMU-18
16	Samu Tylosin sol. Power	Tylosin tartrate	Gói	100; 500g; 1; 5kg	Trị bệnh hô hấp mãn tính do Mycoplasma gallisepticum gây ra trên gà; trị lỵ trên heo	SAMU-21
17	Moxicol	Amoxicilline, Colistin	Gói	1; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, lừa con, dê, cừu, heo, gia cầm	SAMU-22
18	Moxi-150 LA Inj	Amoxicilline trihydrate	Chai, lọ	50ml; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục niệu, viêm da và mô mềm, nhiễm khuẩn trước và sau khi phẫu thuật	SAMU-23
19	Samu Tylosin Inj	Tylosin tartrate	Chai, lọ	50ml; 100ml	Trị viêm phổi, sốt vận chuyển trên trâu, bò; trị đóng dấu, lỵ, viêm phổi trên lợn	SAMU-24

12. Công ty Woogene B&G

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Metabol® (inj)	Butaphosphan, Vitamin B_{12}, Methyl hydroxybenzoat, Sodium citrate, Citric acid	Chai	50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị rối loạn trao đổi chất, bệnh co giật và liệt nhẹ trên trâu, bò, ngựa, cừu, lợn, chó, mèo	WG-1
2	Super Amino-C	L-Valine, L-Leucine, L-Isoleucin, Arginine, Histidine, L-Methionin, L-Phenylalanine, L-Threonin, L-Tryptophan, Lysine, Cysteine, Vitamin B_1, B_6, B_{12}, Riboflavine-5- phosphate sodium, Calcium pantothenate, Niacinamide, Sodium acetate, CaCl, Potassium HCl, Magnesium sulfate, Dextrose, Methyl paraben, Ethyl paraben	Chai	20; 50; 100; 250; 500ml	Chống suy nhược cơ thể trên trâu, bò, heo, ngựa, cừu	WG-2
3	Coxiclin	Toltrazuril	Chai	50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị cầu trùng gà	WG-3
4	Paxxcell	Ceftiofur sodium	Lọ	0.5; 1; 2; 4; 10g	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	WG-4
5	Amstrong	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói	50; 100; 200; 500g; 1,5kg	Trị tiêu chảy, viêm phổi trên bê, nghé, heo, gà	WG-5
6	Himoxin -50%	Amoxicillin	Gói	50; 100; 200; 500g; 1,5kg	Trị tiêu chảy, viêm phổi trên bê, nghé, heo, gà	WG-6
7	Florject 400 INJ	Florfenicol	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy trên trâu, bò, lợn	WG-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
8	Feropan 200 INJ	Gleptoferon (Fe)	Chai	20; 50; 100; 200; 500ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu trên heo	WG-8
9	FlorPAN-S	Florfenicol	Gói, bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Trị Actinobacillus pleuropneumoniae trên heo	WG-9
10	Ferovita 200	Iron dextran, Cyanocobalamin	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó	WG-10
11	Flustop 20 sol	Florfenicol	Chai, can	100; 500ml; 1; 5l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên heo, gia cầm	WG-11

13. Công ty LG Life Sciences - Kofavet Special Inc

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Accent	Certiofur sodium	Lọ	0,5; 1; 2; 4g	Trị bệnh đường hô hấp như viêm phổi do Pasteurella ở trâu bò, lợn	LGK-01
2	Poustin-C	Ascorbis acid	Chai	100; 200ml	Tăng cường sức đề kháng cho gia súc, gia cầm	LGK-02
3	ACT 500ml	Enrofloxacin sodium	Chai	500ml	Trị bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn, bệnh đường hô hấp, viêm phổi	LGK-03
4	Enrobac™	Enrofloxacin sodium, N-butanol	Chai	50; 100; 200; 500ml; 1l	Điều trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sốt do chuyên chở, nhiễm khuẩn đường tiết niệu - sinh dục trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	LGK-04
5	ACT	Enrofloxacin	Chai	100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên gà và bê	LGK-05

14. Công ty CTC Bio Inc

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Entril capsule plus	Enrofloxacin	Gói	1kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột trên heo	CTC-1
2	Neo-Pennox	Ammonium oxytetracyclin, Neomycin sulfate	Gói, bao	1; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên bò, lợn, gia cầm	CTC-2
3	CTC Mix 200G	Chlortetracyclin Ca	Bao	20kg	Trị viêm phổi, ỉa chảy trên gia súc, gia cầm	CTC-3
4	Fencol S	Florfenicol	Gói	1kg; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	CTC-4
5	Wormcide premix	Ivermectin	Túi	1kg	Phòng và trị bệnh ký sinh trùng trên heo	CTC-5
6	Anipirin	Acetylsalicylic acid, Vitamin C	Túi	1kg	Giảm đau, hạ sốt trên heo, gia cầm	CTC-6
7	Pro-Amoclin	Amoxicillin Bromhexine HCl	Bao	100; 500g; 1; 5; 10kg	Phòng và trị tiêu chảy do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin trên bò, heo, gia cầm	CTC-7
8	T-Mulin capsule	Tiamulin hydrogen fumarate	Bao	1; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin gây ra trên lợn	CTC-8
9	ABC D-Check	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulphate	Bao	1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin và Colistin trên trâu, bò, heo, gà	CTC-9
10	Catobus	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Chai	50; 100ml	Phòng và trị rối loạn chuyển hóa	CTC-10
11	Quickflo	Florfenicol	Chai	50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	CTC-13
12	Euvectin	Ivermectin	Chai	50, 100ml	Trị ký sinh trùng trên trâu, bò, heo	CTC-14

15. Công ty Daone Chemical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Enrofloxacin 10%	Enrofloxacin	Chai, can	1; 5; 10; 20l	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày - ruột, tiết niệu trên bê, nghé, heo, dê, cừu, gia cầm	DOC-1
2	DaOne Tia 100	Tiamuline HF	Gói	500g; 1; 5; 20; 25kg	Trị ly trên heo; CRD trên gia cầm	DOC-2
3	Neoflofen	Florfenicol	Gói	100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm đường hô hấp, tiêu chảy trên heo; CRD, bệnh do trực khuẩn, do Salmonella, Staphylococcus, bệnh sổ mũi truyền nhiễm trên gia cầm	DOC-3
4	Amoxin 20% W.S.P	Amoxicillin trihydrate	Túi, bao	100, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Trị tiêu chảy do E.coli, viêm phổi trên heo, bê, nghé; tiêu chảy do E.coli trên gia cầm	DOC-4
5	Neodoxy 20% W.S.P	Doxycycline HCl	Túi, bao	100, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trên bê, nghé, heo, gia cầm	DOC-5
6	Methoxazole	Sulfamethoxazole Trimethoprim	Chai, can	100, 500ml; 1, 5, 10 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột, hô hấp, niệu, sinh dục trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	DOC-6
7	Ampi power	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Colistin trên gia súc, gia cầm	DOC-7
8	DaOne Tilmiro solution	Tilmicosin	Chai, can	100; 500ml; 1; 5; 20l	Trị bệnh đường hô hấp trên heo, gia cầm	DOC-8
9	DaOne Tilmicosin W.S.P	Tilmicosin	Túi, bao	500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo	DOC-9
10	DaOne Linspec	Lincomycin Spectinomycin	Bao	1kg	Trị viêm ruột xuất huyết trên heo	DOC-10
11	Coxzuril	Toltrazuril	Chai	100; 200; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	DOC-11
12	Coxzuril	Toltrazuril	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh tiêu chảy do cầu trùng trên heo con	DOC-12

16. Công ty Dongbang

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Linsmycin SS injectable	Lincomycin HCl Spectinomycin sulfate	Chai	20; 30; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, lỵ; viêm da, khớp, móng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	DOB-2
2	Alipamin-100 Injectable	Vitamin B_1	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu Vitamin B_1 cho trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	DOB-3
3	Linsmycin Premix	Lincomycin HCl, Spectinomycin sulfate	Túi	1; 5; 10kg	Trị lỵ, bệnh viêm ruột, hội chứng viêm vú, viêm tử cung, sốt sữa trên heo	DOB-4
4	Fortis-Inj	Flunixin Meglumine	Lọ	50; 100ml	Trị viêm kết hợp trong bệnh đường hô hấp, viêm kết hợp với rối loạn vận động, giảm đau các cơ quan nội tạng trên trâu, bò, ngựa, heo	DOB-6
5	Linsmycin 100 Soluble Powder	Lincomycin HCl, Spectinomycin sulfate	Túi	75; 150g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp; bệnh CRD trên heo, gia cầm	DOB-7
6	Heat 600	Serum Gonadotropin; Chorionic Gonadotropin	Lọ	5ml	Kích thích sự động dục và ổn định chu kỳ động dục	DOB-8
7	Lincomycin 44 Premix	Lincomycin	Túi, bao	1; 5; 10; 20kg	Trị lỵ, viêm phổi do vi khuẩn Mycoplasma gây ra trên heo	DOB-9
8	Neocin soluble powder	Neomycin sulfate	Gói	100g; 500g; 1kg	Trị bệnh đường ruột trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, gia cầm	DOB-10
9	Neocin-M soluble powder	Neomycin sulfate; Methscopolamine bromide	Gói	100g; 500g; 1kg	Trị bệnh đường ruột, tiêu chảy trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	DOB-11
10	Lincomycin-S-Premix	Lincomycin; Sulfamethazine	Bao, gói	1; 5; 10; 20kg	Trị viêm phổi, lỵ, viêm teo mũi trên heo	DOB-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
11	Linsmycin 100 sterile powder	Lincomycin HCl, Spectinomycin sulfate	Chai	10; 20g	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, heo, gà, chó	DOB-13
12	Neocin Premix	Neomycin	Bao, gói	1; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường ruột trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, gia cầm	DOB-15

17. Công ty SF

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Monosulfa 200W.S	Sulfamonomethoxine sodium	Gói, bao	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25; 30; 35; 40; 50kg	Trị viêm phổi, viêm phế quản, cầu trùng, viêm mũi, CRD, viêm vú, viêm tử cung	SFK-1
2	SF Catophan-S	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Chai	50; 100ml	Trị rối loạn sinh trưởng, rối loạn chuyển hóa trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	SFK-2
3	Powercocci	Toltrazuril	Chai	500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	SFK-3

18. Công ty Handong

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	FloPig Gold	Florfenicol	Bao	100; 500g; 1; 5; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo	HDK-1
2	Dexter-Iron Inj	Iron dextran, Vitamin B_{12}	Chai	50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt trên heo con	HDK-2
3	Floshot Solution	Florfenicol	Chai	100; 500ml; 1; 5; 10 lít	Trị bệnh do Mycoplasma spp., E.coli, Salmonella, Streptococcus, Pasteurella, Staphylococcus spp., CRD, CCRD, Colibacillosis, Salmonellosis, Staphylococcus, viêm mũi trên trâu, bò, heo	HDK-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	Floshot 300	Florfenicol	Chai, lọ	100ml; 500ml	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò và lợn	HDK-4
5	Sureshot LA	Amoxicillin hydrate	Chai, lọ	100ml; 250ml	Trị viêm phổi, viêm cuống phổi, viêm teo mũi, Salmonellosis, viêm ruột, tiêu chảy trên trâu, bò, lợn	HDK-5
6	Flotril 100 sol	Enrofloxacin	Chai, lọ	100; 500ml; 1l	Trị bệnh do E.coli, Mycoplasma, Salmonella trên gà	HDK-6
7	Flotril 200 sol	Enrofloxacin	Chai, lọ	100; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm cuống phổi, viêm teo mũi, Salmonellosis, viêm ruột, tiêu chảy trên trâu, bò, lợn	HDK-7
8	Neocoxin sol	Toltrazuril	Chai	100; 200; 500ml; 1lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	HDK-8
9	Flotril 100 Injection	Enrofloxacin	Chai	50; 100; 250ml	Trị hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn	HDK-9
10	Neocoxin suspension	Toltrazuril	Chai	100ml	Trị bệnh tiêu chảy do cầu trùng gây ra trên heo con	HDK-10
11	Supercal INJ	Calcium glycerophosphate, Calcium lactate Pentahydrate	Chai	50; 100; 250 ml	Phòng ngừa và điều trị bệnh sốt sữa và Hypocalcemia	HDK-11
12	HD Vitaton INJ	Retinol Palmitate, Cholecalciferol, Tocopherol Acetate	Chai	50; 100; 250 ml	Phòng ngừa và điều trị bệnh thiếu hụt Vitamin A, D_3, E	HDK-12
13	Catosia-B	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Chai	20; 50; 100ml	Trị rối loạn chuyển hóa, phục hồi sức khỏe, còi cọc ở thú non, rối loạn chuyển hóa do suy dinh dưỡng trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, gia cầm, chó, mèo	HDK-14

19. Công ty Korea Biologicals Environmental Products Pharmaceuticals (KBNP), INC

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Tolcoxin 5% Suspension	Toltrazuril	Chai	20; 50; 100; 250; 500ml	Trị cầu trùng trên bê, nghé, heo con	KPN-2
2	Vital-Chorus Forte	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, K_3, Folic acid, Nicotinamide, Calcium pantothenate, Choline chloride, Alanine, Arginine, Phenylalanine, Histidine, Leucine, Lysine, DL-Methionine, Threonine, Valine	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin, Amino acid, giảm stress, tăng sức đề kháng, phòng hiện tượng thiếu canxi ở vỏ trứng	KPN-3
3	Kapramin 200 Injection	Apramycin	Chai	20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị Colibacillosis, Salmonellosis trên bê, nghé	KPN-5
4	Avante Injection	Ceftiofur	Chai	0,1; 1; 4g	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	KPN-6

20. Công ty ELT Science Corporation

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Pancom	Fenbendazole	Viên	500mg	Trị giun trên chó, mèo	ELT-1

21. Công ty Unibiotech

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Coccifree	Toltrazuril	Chai	500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	UNI-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Cocciend	Toltrazuril	Chai	50; 100; 200; 500ml	Trị cầu trùng trên heo con	UNI-2
3	Uni-Flor	Florfenicol	Gói, túi	1; 5kg	Trị bệnh viêm phổi do vi khuẩn actinobacillus pleuropneumonia gây ra ở lợn	UNI-3
4	Amoxincare - 200	Amoxicilline trihydrate	Gói, túi, bao	100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm phế quản phổi, viêm màng phổi, tụ huyết trùng, viêm phổi, sốt vận chuyển, viêm teo mũi (AR), Salmonellosis, Colibacillosis trên trâu, bò, lợn và gia cầm	UNI-4
5	Ferrivit	Iron Dextran, Vitamin A, D_3, E	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt, thiếu Vitamin A, D_3, E trên bê, nghé, lợn	UNI-5

22. Công ty APS

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Logosol	Vitamin A, D_3, E, Sorbitol	Chai	100; 500ml; 1; 5; 10l	Tăng khả năng đề kháng bệnh, thúc đẩy tăng trưởng, phòng stress	APS-1
2	Amcol-A	Ampicillin trihydrat, Colistin sulfate	Gói, hộp	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với ampicillin và colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	APS-2
3	Hyroxyl	Enrofloxacin	Chai	100; 500ml; 1; 5l	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với enrofloxacin gây ra trên gia cầm	APS-3
4	APS Profen 200	Florphenicol	Chai	100; 500ml; 1; 5l	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Salmonella spp., E.coli, Actinobacillus pleuropneumoniae, Pasteurella multocida, Mycoplasma hyopneumoniae, Streptococcus suis nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên lợn, gia cầm	APS-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5	Tilmisolution 250	Tilmicosin phosphate	Chai	100; 500ml; 1; 5; 10; 18l	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn A. pleuropneumoniae, P. multocida, M. gallisepticum, M. synoviae nhạy cảm với Tilmicosin gây ra trên lợn, gia cầm	APS-5
6	Toltzuril 2.5%	Toltrazuril	Chai	100; 500ml; 1; 5l	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên gia cầm	APS-6
7	Acetacillin	Amoxicillin trihydrate; Acetaminophen	Gói, hộp	500g; 1; 2; 5; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn	APS-7

23. Công ty Cheil Bio

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Cheilcoccin	Toltrazuril	Chai	100; 200; 500ml; 1; 5 lít	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên gia cầm	CBC-1
2	Enfloxol-100	Enrofloxacin	Chai	100; 200; 500ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày - ruột, tiết niệu, thương hàn, phó thương hàn, nhiễm trùng vết thương trên gia cầm, heo, trâu, bò, dê, cừu	CBC-2
3	Cheil Tylosin 100	Tylosin (tartrate)	Bao, túi	500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị C.R.D, viêm teo mũi truyền nhiễm trên gia cầm	CBC-3
4	Medicol	Florfenicol	Chai	100; 200; 500ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn E.coli và Salmonella Spp. trên gia cầm; trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm như Actinobacillus Pasteurella, Mycoplasma, salmonella, Streptococcus trên heo	CBC-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5	Flormax 4%	Florfenicol	Bao, túi	500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm màng phổi trên heo	CBC-5
6	Mediprim	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói, bao	50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày - ruột, tiết niệu trên lợn, gia cầm	CBC-6
7	Flormax inj	Florfenicol	Chai	10; 50; 100; 200; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, heo	CBC-7
8	Flormax 200	Florfenicol	Chai, can	100; 500ml; 1; 5l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên heo, gia cầm	CBC-8
9	Medicosin	Tilmicosin phosphate	Chai, can	100; 250; 500ml; 1; 5l	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn, gia cầm	CBC-9
10	Cerestop	Ceftiofur sodium	Lọ	1; 2; 4; 5; 10g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, heo	CBC-10
11	Oxyneo wsp	Oxytetracycline HCl, Neomycin sulfate	Gói, bao	50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị CRD, CCRD, viêm ruột, thương hàn trên gia cầm; tiêu chảy, viêm phổi, sốt vận chuyển trên trâu, bò, heo	CBC-11
12	Ampi-plus	Ampicillin trihydrate, Colistine sulphate	Gói, bao	50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gà	CBC-12

CZECH REPUBLIC

1. Công ty Bioveta, A.S

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Amoxicillin (Bioveta 15% L.A)	Amoxicillin base	Chai	20, 50, 100ml	Trị bệnh viêm phổi, viêm có mủ trên gia súc	BVTC-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Erythromycin (inj.ad us.vet)	Erythromycin	Chai	20, 50, 100ml	Trị bệnh viêm phổi và các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp	BVTC-6
3	Oxytetracyklin (Bioveta 20% L.A)	Oxytetracycline base	Chai	20, 50, 100ml	Trị bệnh viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung	BVTC-7

INDONESIA

1. Công ty P.T. Surya Hydup Satwa

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Daimeton B Inj 20%	Sulfamonomethoxine	Lọ	100ml	Điều trị bệnh sổ mũi truyền nhiễm, cầu trùng, tiêu chảy, viêm phổi	SHS-03

2. Công ty P.T. Medion

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Sulfamix	Sulfadimethyl, Pyrimidine	Lọ, can	60, 120ml, 1, 5, 20, 60 lít	Trị bệnh cầu trùng, CRD, thương hàn, E.coli	MDI-15
2	Neo meditril-I	Enrofloxacine	Lọ	20, 100, 250ml, 1, 5 lít	Phòng trị CRD, E.coli, Salmonella, Coryza	MDI-16
3	Vitamin B Kompleks Inj	Vitamin B_1, B_2, B_6, và các vitamin khác	Lọ	20, 50, 100, 250, 500ml	Phòng các bệnh do thiếu vitamin nhóm B gây ra	MDI-18
4	Vermyzin SBK	Piperazine citrate	Gói	10, 33, 100, 500g; 1, 5, 15, 25kg	Tẩy giun cho trâu, bò, lợn, ngựa	MDI-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5	Vermixon Oral Solution	Piperazine hexahydrate	Lọ, can	20, 60, 120ml; 1, 5, 20, 60 lít	Tẩy giun cho trâu, bò, lợn, ngựa	MDI-20
6	Coxy	Na Sulfaquinoxaline, Vitamin A, K_3	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g 1, 5, 10, 15, 20, 50kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng	MDI-21
7	Trimezyn-S	Trimethosol, Sodium sufadiazin	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g 1, 5, 10, 15, 20, 50kg	Phòng, trị Coryza, CRD, thương hàn, E.coli, bạch lỵ	MDI-22
8	Ampicol	Ampicilline, Colistin	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g 1, 5, 10, 15, 20, 50kg	Phòng, trị E.coli, CRD, thương hàn, bệnh kế phát Gumboro	MDI-23
9	Neobro	Vitamins, amino acids	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50kg	Kích thích tăng trọng, chống stress, giảm tỷ lệ chết	MDI-24
10	Kanamin	Kanamycin acid sulphate	Gói, bao	2, 5, 10, 50, 100g, 1kg	Trị CRD, thương hàn, Staphy-lococcus	MDI-25
11	Sulpig	Sulfadimethyl Pyrimidine	Lọ	20, 50, 100ml, 1 lít	Tiêu chảy lợn, viêm phổi, các bệnh nhiễm khuẩn trên lợn	MDI-26
12	Tysinol	Tylosin tartrate	Lọ	20, 50, 100ml	Trị bệnh viêm phổi do Mycop-lasma, lỵ heo, viêm khớp, viêm vú, lepto	MDI-28
13	Medoxy-L Inj	Oxytetracycline HCl, Lidocaine HCl	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị CRD, thương hàn, viêm phổi, nhiễm trùng máu	MDI-30
14	Koleridin	Oxytetracycline HCl, Menadion Na-bisulfite	Gói, bao	5, 10, 100, 250, 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50kg	Trị bệnh Coryza, CRD, tiêu chảy do E.coli, thương hàn	MDI-32
15	Fortevit	Vitamins, amino acids	Gói, bao	5, 10, 100, 250, 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50kg	Kích thích tăng trưởng, tăng tỷ lệ đẻ, tỷ lệ phôi và tỷ lệ ấp nở	MDI-33

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
16	Strong Egg	Vitamins, Amino acids	Gói, bao	5, 10, 100, 250, 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50kg	Kích thích tăng trưởng, tăng sức đề kháng	MDI-34
17	Therapy	Oxytetracycline HCl, Amprollium HCl	Gói, bao	5, 10, 100, 250, 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50kg	Trị cầu trùng, thương hàn, Coryza	MDI-36
18	Respiratrek Inj	Sulphamethoxazole, Trimethoprim	Lọ, thùng	20, 60, 120ml, 1, 5, 20, 60 lít	Trị CRD, E.coli	MDI-37
19	Vitamin B_{12} Inj	Cyanocobalamine	Lọ	20, 50, 100, 500ml	Phòng bệnh thiếu máu, duy trì tốc độ tăng trưởng của gia súc	MDI-38
20	Pignox	Vitamin A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, D_3, E, K_3, Ca-D-pantothenate Chloine chloride, Methionin, Fe, Cu, Co, Zn	Gói, bao	500g, 5, 25, 50kg	Phòng và trị bệnh nhiễm khuẩn, kích thích tăng trưởng, giảm tỷ lệ chết của gia súc, gia cầm	MDI-40
21	Egg Stimulant	Oxytretracyclin, Vitamin A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, D_3, E, K_3, Ca-D-pantothenate	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50kg	Tăng tỷ lệ đẻ, cải thiện chỉ số tiêu tốn thức ăn	MDI-41
22	Medoxy-LA (20% inj)	Oxytetracycline	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị bệnh viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, tiêu chảy	MDI-44
23	Antikoksi (liquid)	Sulfaquinoxaline	Lọ, chai, can	50, 100, 250ml, 1, 5, 20 lít	Trị cầu trùng gia súc, gia cầm	MDI-45
24	Vita Stress (powder)	Vitamin A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, E, PP, Mg, P, Ca	Gói, bao	5, 10, 100, 250, 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50kg	Chống stress, cung cấp vitamin và điện giải	MDI-46

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
25	Doxytin	Doxycycline HCl	Gói, bao	5; 10; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 50kg	Phòng, trị CRD, bệnh do coli	MDI-50
26	Meditril-L	Norfloxacin	Chai	20; 50; 100; 250ml; 1 lít	Phòng trị CRD, bệnh do coli,...	MDI-52
27	Mineral Babi	Vitamin và điện giải	Gói	50, 100, 500g; 1kg	Kích thích tăng trưởng, phòng chứng thiếu máu trên lợn con, phòng bệnh bại liệt trên lợn nái	MDI-17
28	Ferdex Plus	Sắt, vitamin B_{12}, B_6	Lọ	20, 50, 100ml	Phòng bệnh thiếu máu trên lợn	MDI-29
29	Ferdex 100	Sắt (Fe)	Lọ	20, 50, 100ml	Phòng chứng thiếu máu do thiếu sắt trên lợn	MDI-39
30	Wormectin injection	Ivermectin	Lọ	2; 5; 20ml	Phòng và trị nội ngoại ký sinh trùng	MDI-53
31	AD_3E Injection	Vitamin A, D_3, E	Chai	50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu vitamin A, D_3, E	MDI-54
32	Amoxitin	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị Coryza, Colibacillosis, Salmonellosis	MDI-56
33	Neo Meditril	Enrofloxacin	Chai	20, 100, 250ml; 1l	Trị viêm dạ dày - ruột, viêm đường hô hấp và tiết niệu trên gia cầm	MDI-57
34	Kalsium boroglukonat inj	Calcium gluconate, Boric acid	Chai	250; 500ml	Trị chứng hạ canxi huyết cho gia súc	MDI-58
35	Coliquin	Flumequin	Gói, bao	5; 10; 50; 100; 250g	Trị bệnh do E.coli, Salmonella, Tụ huyết trùng trên gia cầm	MDI-60

MALAYSIA

1. Công ty Y.S.P Industries (M) SDN. BHD

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Chemix Powder 50%	Flumequine	Gói, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 20kg	Điều trị các bệnh do nhiễm Coryza, E.coli, và Pullorum	Malaysia	YSPM-1
2	Amoxicillin Soluble Powder	Amoxicillin trihydrate	Gói, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 20kg	Điều trị bệnh do nhiễm E.coli, thương hàn, viêm màng não	Malaysia	YSPM-2
3	Kwaibo-007	Vit. A, Vit. D_3, Vit. E, Thiamine, Riboflavin, Pyridoxine, Nicatinamide, Vit. B_{12}, Vit. C, Vit. H, d-Ca, Folic acid	Gói, bao	10; 50; 100; 1; 20kg	Thúc đẩy tăng trưởng, bổ sung vitamin, chống stress, suy yếu, dinh dưỡng kém	Malaysia	YSPM-3
4	Conquer Powder	Mebendazole	Gói, bao	12; 50; 60; 100; 120; 600g, 1; 20kg	Điều trị nhiễm giun sán	Malaysia	YSPM-4
5	Ribu Powder	Ronidazole	Gói, bao	100g, 1kg	Điều trị bệnh lỵ ở heo con	Malaysia	YSPM-5
6	Licofat-44 Powder	Lincomycin Streptomycin	Gói, bao	50; 100; 500g, 1; 20kg	Phòng ngừa và điều trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(+), Gr(-)	Malaysia	YSPM-6
7	Clon Powder	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, bao	50; 100; 500; 1; 10; 20kg	Kích thích tăng trưởng, phòng ngừa và kiểm soát bệnh lỵ	Malaysia	YSPM-7
8	Trixine Powder	Sulfadimethoxine Trimethoprim	Gói, bao	10; 50; 100; 500g, 20kg	Điều trị bệnh Coryza, viêm phế quản, tiêu chảy	Malaysia	YSPM-8
9	Doxy 10% Powder	Doxycycline	Gói, bao	50; 100; 500; 1; 10; 20kg	Kiểm soát biến chứng của viêm phế quản mãn tính	Malaysia	YSPM-9

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
10	OTC-20 Premix powder	Oxytetracycline HCl	Gói, bao	10; 50; 100; 500g, 1; 10; 20kg	Trị viêm ruột, thương hàn, Coryza, bệnh phổi mãn tính	Malaysia	YSPM-10
11	Lincomycin-300 Inj	Lincomycin HCl	Lọ	100ml	Điều trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(+), viêm phổi, viêm phế quản, viêm màng não	Taiwan	YSPM-12
12	Amoxicillin Inj	Amoxicillin trihydrate	Lọ	100ml	Điều trị bệnh do E.coli, thương hàn, viêm màng não	Taiwan	YSPM-13
13	Dexon Inj	Dexamethasone-21 phosphate sodium	Lọ	100ml	Điều trị dị ứng, chàm, bỏng, phù, viêm da, viêm khớp cấp, vú cấp, và viêm phổi	Taiwan	YSPM-14
14	Shincort Inj	Triamcinolone acetonide	Lọ	100ml	Điều trị viêm khớp, viêm da, viêm phổi và viêm phế quản	Taiwan	YSPM-15
15	Heromin B_{12} Inj	Cyanocobalamin, D-Panthenol, Dextrose	Lọ	100ml	Phòng trị chứng thiếu máu, dinh dưỡng kém, rối loạn chuyển hóa	Taiwan	YSPM-18
16	Enlin-22 Inj	Sulfamonomethoxine, Trimethoprim, Dexamethasone	Lọ	100ml	Trị viêm phế quản, viêm phổi, viêm thanh quản, viêm dạ dày ruột, tiêu chảy, viêm vú...	Taiwan	YSPM-19
17	Coughlin Inj	Sulpyrine, Dl-Methyl Ephedrine	Lọ	100ml	Điều trị viêm phổi lợn	Taiwan	YSPM-21
18	Sulpyrine 25% Inj	Sylpyrine	Lọ	100ml	Điều trị sốt ở lợn	Taiwan	YSPM-22
19	Tylosin Water soluble powder	Tylosin tartrate	Gói, bao	7,5; 15; 50; 75; 100; 150; 500g, 1kg	Điều trị ly, viêm phổi, viêm vú, và sốt do chuyên chở	Malaysia	YSPM-23

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
20	Ironwon Solution	Iron dextran, Colistin, Tylosin base	Chai	100, 200, 500ml; 1 lít	Điều trị thiếu máu và tiêu chảy ở heo mới sinh	Malaysia	YSPM-25
21	Cefadroxil	Cefadroxil	Gói, bao	10; 20; 50; 100; 500g 1kg; 2; 5; 10; 25kg	Điều trị bệnh do vi khuẩn Gr(-), Gr(+) gây ra	Malaysia	YSPM-28
22	Lemison	Levamisole hydrochloride	Gói, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg; 2; 5; 10; 25kg	Điều trị bệnh do giun đũa, giun lươn, giun tròn, giun móc, sán lá và sán giây	Malaysia	YSPM-29
23	Amoxicillin 50% Soluble Powder	Amoxycilline	Gói	10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị tiêu chảy, viêm ruột, viêm phế quản, nhiễm trùng máu trên heo, gà	Malaysia	YSPM-30
24	Erythromycin-164	Erythromycin	Gói	10; 20; 50; 100, 150, 500g; 1kg	Trị bệnh hô hấp, viêm màng hoạt dịch, dịch tả, viêm khớp trên gà	Malaysia	YSPM-31
25	Canbisu	Ivermectin	Túi, bao	100; 333g	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng trên heo	Malaysia	YSPM-32
26	Amoxicillin 50% Premix Powder	Amoxicillin	Túi, bao	100g; 1; 10kg	Trị viêm phổi, tiêu chảy trên gia cầm	Malaysia	YSPM-33
27	Sultrim powder	Sulfadiazine, Trimethoprim	Túi, bao	100g; 20kg	Trị viêm phế quản, viêm phổi, tiêu chảy trên heo, gà, vịt	Malaysia	YSPM-34
28	Sultrim Suspension	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai	100; 500ml; 1l	Trị viêm phế quản, viêm phổi, tiêu chảy trên heo, gà, vịt	Malaysia	YSPM-35
29	Poly-E	Colistin sulfate	Túi, bao	100g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	Malaysia	YSPM-36

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
30	Doxy 50% Powder	Doxycyclin	Túi, bao	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	Malaysia	YSPM-37
31	Q-Lulan Water Solution Powder	Sulfachloropyrazine	Túi	180g	Trị cầu trùng, viêm ruột, nhiễm khuẩn Salmonella, E.coli trên gia cầm	Malaysia	YSPM-38
32	Amoxicillin 20% soluble powder	Amoxicillin	Túi, bao	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên heo, gia cầm	Malaysia	YSPM-39
33	Fluro oral solution	Norfloxacin	Chai	100; 500ml; 1l	Trị Colibacillosis, CRD, Salmonellosis, Staphylococcus trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	Malaysia	YSPM-40
34	Florcol Oral solution	Florfenicol	Chai	100; 500ml; 1l	Trị hô hấp, tiêu chảy, viêm ruột trên heo, gia cầm	Malaysia	YSPM-42
35	Neosun soluble powder	Neomycin sulfate	Túi, bao	100; 500g	Trị viêm ruột trên heo, gia cầm	Malaysia	YSPM-43
36	Cephan 50 powder	Cephalexin	Túi, bao	100g; 1kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa trên heo, gia cầm	Malaysia	YSPM-44
37	Yucomy	Nystatin	Túi, bao	100g; 1; 20kg	Phòng và trị nấm trên heo, gia cầm	Malaysia	YSPM-45
38	Sulfolan powder	Sulfamethazine, Tylosin tartrate	Túi, bao	100g; 1; 20kg	Trị lỵ, viêm phổi, viêm mũi trên heo	Malaysia	YSPM-46
39	Sulfarim powder	Sulfadimethoxin, Trimethoprim	Túi, bao	100g; 1; 20kg	Trị viêm phế quản, tiêu chảy, viêm ruột trên heo, gà, vịt	Malaysia	YSPM-48
40	Rican premix powder	Colistin sulfate	Túi, bao	100g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa trên heo, gia cầm	Malaysia	YSPM-49

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
41	Licofat-220 Powder	Licomycin, Spectinomycin	Túi, bao	100g; 1; 10kg	Trị lỵ, viêm phổi trên heo	Malaysia	YSPM-50
42	Enflosin Oral Solution	Enrofloxacin	Chai	1l	Trị nhiễm trùng do Mycoplasma, Salmonella, CRD, CCRD, tụ huyết trùng trên gia cầm	Malaysia	YSPM-51

2. Công ty Phibro Animal Health

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	TM 200	Oxytetracyclin	Bao	100g; 1; 10; 20; 25kg	E.coli, thương hàn, viêm phổi, THT	PBAM-01
2	Coxistac 12%	Salinomycin	Bao	100g; 1; 10; 20; 25kg	Phòng bệnh cầu trùng	PBAM-02
3	Stafac 50	Virginamycin	Bao	100g; 1; 10; 20; 25kg	Kích thích tăng trọng, phòng tiêu chảy	PBAM-03
4	Stafac 500	Virginamycin	Bao	100g; 1; 10; 20; 25kg	Kích thích tăng trọng, phòng tiêu chảy	PBAM-04

3. Công ty Sunzen (Corp.) SDN BHD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Sunz-Lyte	Vitamin A, D_3, E, C, B_2, B_6, B_{12}, Potassium Sodium	Gói, bao	100, 200, 500g 1, 2, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin và điện giải cho gia súc, gia cầm	SZS-1
2	Sunz-Vit	Vitamin A, B_2, B_3, B_6, B_{12}, B_1, C, E, K_3, PP	Gói, bao	100, 200, 500g 1, 2, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin cho gia súc, gia cầm	SZS-2
3	Pfilyte	Vitamin A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, B_1, D_3, E, K_3, Potassium, Sodium, Carbonate	Gói, bao	100, 200, 500g 1, 2, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin và điện giải cho gia súc, gia cầm	SZS-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	Vitastress	Vitamin A, B_2, B_3, B_{12}, B_6, C, D_3, K_3, E, PP	Gói, bao	100, 200, 500g 1, 2, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin cho gia súc, gia cầm	SZS-4
5	Pfactor 002	Vitamin A, B_2, B_6, B_{12}, B_1, C, D_3, E, K_3, PP, Biotin, khoáng Mn, Zn, Iron, Cu, Co, I, Se	Gói, bao	100, 200, 500g 1, 2, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm	SZS-5

4. Công ty Nova Lab SHD.BHD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Enrovet 10% Oral solution	Enrofloxacin	Chai	200; 250; 500ml; 1 lít	Phòng và trị CCRD, C.R.D, Colibacillosis, Salmonellosis (thương hàn), dịch tả, sưng phù đầu (Coryza) trên gia cầm	NOVA-1
2	Toltravet 2.5% Oral Solution	Toltrazuril	Chai	100; 200; 250; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên gà do Eimeria acervulina, E. brunetti, E. maxima, E. necatrix, E. tenella, E. Mitis	NOVA-2
3	Novamox-G Injectable Oily Suspension	Amoxycillin, Gentamicin	Chai	100ml	Trị tiêu hóa - ruột, viêm phổi, viêm phế quản, nhiễm trùng rốn, viêm khớp, viêm phế quản, nhiễm trùng huyết, áp xe, viêm tử cung, viêm vú trên bê, nghé, dê, cừu, lợn	NOVA-3
4	Novamox 20% L.A Injectable Oily Suspension	Amoxycillin	Chai	100ml	Trị viêm dạ dày ruột, viêm phổi, viêm phế quản, viêm khớp, viêm tử cung, viêm vú, da và mô mềm trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NOVA-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
5	Flumevet 20% Oral Solution	Flumequine	Chai	100; 200; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, nhiễm trùng huyết trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm	NOVA-5
6	Coxisol 24% Oral Solution	Sulfaquinoxaline, Trimethoprim	Chai	200; 500ml; 1 lít	Phòng, trị cầu trùng, tụ huyết trùng, thương hàn trên lợn, gia cầm	NOVA-6
7	Trimeton 24% water soluble Powder	Sulfamonomethoxine, Trimethoprim	Túi, bao	100g; 1kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên lợn, gia cầm	NOVA-7
8	Nova SB 30% water soluble Powder	Sulfachloropyrazine	Túi, bao	100g; 1kg	Trị cầu trùng, tụ huyết trùng, thương hàn trên gà. Trị cầu trùng trên lợn	NOVA-8
9	Novacoc 24% water soluble Powder	Sulfaquinoxalin, Trimethoprim	Túi, bao	100g; 1kg	Trị cầu trùng, tụ huyết trùng, thương hàn trên gia cầm. Trị cầu trùng trên lợn	NOVA-9
10	Tylosin water soluble Powder	Tylosin tartrate	Túi, bao	100g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên gia cầm	NOVA-10
11	Doxyvet-B	Doxycycline HCl, Bromhexin	Túi, bao	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, lợn, gia cầm	NOVA-11

5. Công ty Pahang Pharmacy SDN.BHD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Tri-SQ	Sulfaquinoxaline, Trimethoprim	Túi	112; 500g; 1; 10; 20kg	Trị cầu trùng trên gia cầm	PPM-1
2	Toricox-25	Toltrazuril	Chai	100; 250; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên gà	PPM-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Porcox-5	Toltrazuril	Chai	100; 225; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên lợn con	PPM-3
4	Florgen-100 (Oral Solution)	Florfenicol	Chai	100; 250; 500ml; 1 lít	Trị hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gà	PPM-4
5	Enrox-100	Enrofloxacin	Chai	100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng hô hấp, đường tiêu hóa trên gia cầm	PPM-5
6	Isotyl-250	Tilmicosin	Chai	250ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp trên gà	PPM-6
7	Trimeto-480	Sulphadiazine, Trimethoprim	Chai	100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, viêm khớp, thối móng trên lợn, gia cầm	PPM-8

UNITED STATE OF AMERICA (USA)

1. Công ty Archer Daniels Mildland (ADM)

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	L-Lysine HCl	L-Lysine	Bao	25kg	Cung cấp L-Lysine	ADM-1
2	L-Threonine 98,5%	L-Threonine	Bao	25kg	Cung cấp L-Threonine	ADM-2
3	ADM-Tryposine Tm 15/70	Tryposine	Bao	25kg	Cung cấp Tryposine	ADM-3

2. Công ty Bioproducts-Inc

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Choline Choloride 60%	Choline chloride	Bao	20; 25kg	Bổ sung Choline choloride	BPD-2
2	Choline Choloride 75%	Choline chloride	Bao	20; 25kg	Bổ sung Choline choloride	BPD-4

3. Công ty Elanco Animal Health

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Tylan 40	Tylosin phosphate	Bao	22, 68kg	Phòng và trị PIA (Ileitis), khuẩn lỵ heo, các bệnh do Mycoplasma	USA	EC-1
2	Tylan soluble	Tylosin tartrate	Lọ	100g	Điều trị các bệnh do Mycoplasma gây ra, tăng sức đề kháng	USA, England	EC-2
3	Coban 60	Monensin	Bao	22; 68kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng, kích thích tăng trọng	USA	EC-3
4	Apralan Premix 75	Apramycin sulfate	Bao	22; 68kg	Điều trị bệnh tiêu chảy do E.coli và Salmonella gây ra	USA	EC-5
5	Apralan Soluble (Apramycin sulphate FSD)	Apramycin sulfate	Lọ	50; 100g	Điều trị bệnh tiêu chảy do E.coli và Salmonella gây ra	USA, England	EC-6
6	Tylan 50 Inj	Tylosin base	Lọ	100ml	Điều trị bệnh Mycoplasma, THT, đóng dấu, lỵ cấp ở trâu, bò, lợn	USA,UK Northern Ireland	EC-7
7	Tylan 200 Inj	Tylosin base	Lọ	100ml	Điều trị bệnh Mycoplasma, THT, đóng dấu, lỵ cấp ở trâu, bò, lợn	USA,UK Northern Ireland	EC-8
8	Pulmotil G200 (Tilmicosin Granulate fortify)	Tilmicosin	Bao	10kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, THT,...	England	EC-9
9	Tylan Soluble (Tylosin tartrate FSD)	Tylosin tartrate	Thùng	55kg	Điều trị các bệnh do Mycoplasma gây ra, tăng sức đề kháng	England	EC-10

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
10	Surmax 100	Avilamycin	Bao	25kg	Trị viêm ruột hoại tử do Clostridium gây ra gia cầm. Kiểm soát bệnh tiêu chảy có kết hợp vi khuẩn E.coli trên heo con	England	EC-11
11	Tylan 40 sulfa-G	Tylosin phosphate, Sulfamethazine	Bao	22, 68kg	Phòng và trị các bệnh viêm phổi, bệnh hô hấp mãn tính do Mycoplasma gây ra,,...	USA	EC-12
12	Apralan soluble (Apramycin sulphate FSD)	Apramycin sulfate	Thùng	50kg	Điều trị bệnh tiêu chảy do E.coli và Salmonella gây ra	England	EC-13
13	Apralan® 100 premix	Apramycin sulfate	Bao	10; 25kg	Điều trị bệnh tiêu chảy do E.coli và Salmonella gây ra	USA	EC-14
14	Maxiban 72	Narasin, Nicarbazin	Bao	22, 68kg	Phòng ngừa bệnh cầu trùng ở gà	USA	EC-15
15	Monteban 45	Narasin	Bao	22, 68kg	Phòng ngừa bệnh cầu trùng ở gà	USA	EC-16
16	Elancoban 200 Premix	Monensin	Bao	25kg	Phòng ngừa bệnh cầu trùng ở gà	USA	EC-17
17	Monensin QA 336N	Monensin	Bao	25kg	Phòng, trị bệnh cầu trùng gà	USA	EC-18
18	Tylan 100	Tylosin phosphate	Bao	22, 68kg	Phòng và trị PIA (Ileitis), khuẩn lỵ heo, các bệnh do Mycoplasma	USA	EC-19
19	Pulmotil AC	Tilmicosin	Chai	240; 960ml	Đặc trị các bệnh đường hô hấp do Mycoplasma gây ra	England, Italy	EC-20
20	Elector	Spinosad 2,5%	Chai	1; 5 lít	Kiểm soát ngoại ký sinh trùng ruồi, rận, ve hút máu cho bò	USA	EC-21

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
21	Extinosad ™ PSP	Spinosad (Spinosyn A & D)	Chai	250, 950ml	Kiểm soát ngoại KST bọ cánh cứng và ruồi tại trại chăn nuôi gà	USA	EC-22
22	Micotil 300 inj	Tilmicosin, Propylene glycol	Chai	50, 100, 250ml	Trị bệnh do các vi sinh vật mẫn cảm với Tilmicosin	USA	EC-23
23	Surmax G 200 premix	Avilamycine	Bao	25kg	Trị viêm ruột hoại tử kết hợp với vi khuẩn Cl. perfringens trên gia cầm. Tiêu chảy kết hợp với E.coli trên heo	Anh	EC-24

4. Công ty International Nutrition

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Swine Milk Maker	Potassium, Magnesium, Vit E, Choline	Bao, xô, gói	1kg, 10kg, 25kg	Nhuận tràng, tiêu hóa tốt, chống táo bón	IN-6
2	VM 505	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_{12}, Calcium Pantothenate, Niacin, Folic acid, Choline chloride	Bao, xô, gói	100gr, 1kg, 10kg, 25kg	Bổ sung, phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	IN-7
3	Swine VTM Starter	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_{12}, H, Folic acid, Niacin, Pantothenic acid, Mn, Fe, Zn, Cu, Iodine, Co, Selenium	Bao, xô, gói	1, 10, 25kg	Bổ sung, phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	IN-8
4	Soluble Vitamix	Vitamin A, D_3, E, Menadione, B_1, Vitamin B_2, Pyridoxine, B_{12}, B_5, Niacinamide, Folic acid, Vit H, C	Bao, xô, gói	100gr, 1, 5, 10, 25kg	Bổ sung, phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	IN-12
5	Sweet Iron F.G.	Iron, Zinc, Copper, Manganese, Vitamin E, Folic acid, Vitamin H, B_{12}	Bao, xô, gói	100gr, 1kg, 5kg, 25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, khoáng	IN-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
6	Spectralyte	Citric Acid, Sodium Chloride, Potassium Chloride, Zinc Complex, dl-alpha tocopheryl acetate	Bao, xô, gói, thùng	100gr, 1kg, 5kg, 10kg, 25kg	Trị ngừa các rối loạn đường ruột. Cân bằng điện giải, khoáng chất và Acidifier	IN-21
7	Electrolyte Blend	Potassium, Sodium, Chloride	Bao, xô, gói	100; 200; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Hỗn hợp chất điện giải và vi khoáng	IN-23
8	Instress	Sodium, Potassium, Vitamin A, D_3, E, Pyridoxine, B_{12}, Folic acid, Menadione, Niacin, Vitamin H, B_1, B_2, B_6, Lysine	Bao, xô, gói	100gr, 1kg, 5kg, 10kg, 25kg	Cung cấp vitamin, đồng thời phối hợp các hợp chất điện giải. Chống Stress tức thời	IN-24
9	Inter-Feed Premix	Vit A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_6, B_{12}, Pantothenate acid, Folic acid, Niacin	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin, tăng sức đề kháng	IN-26
10	Sweet Iron Oral	Ferrous sulfate, Ferric Ammonium Citrate, Ferric Choline Citrate, Ferrous Fumarate, Ferrous Gluconate, Ferric Methionine, ZnO, $CuSO_4$, CuO, MnO, Zn, Methionine, Potassium Chloride, dl-Alpha Tocopheryl Acetate, Vitamin B_{12}, Biotin, Folic acid, Iron Oxide	Bao, xô, gói	1, 5, 20kg, 25kg	Ổn định lượng hemoglobin trong máu trong suốt giai đoạn bú mẹ. Giúp heo con có đủ lượng sắt và vi khoáng cần thiết cho đến khi ăn được thức ăn khó. Cung cấp đủ khoáng dinh dưỡng	IN-31
11	Cattle Trace Mineral Premix	Fe, Mn, Zn, Cu, Co, Iodine, Selenium	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu các loại khoáng	IN-33
12	Vitamin AD_3E Inj	Vitamin A, D_3, E	Chai	100, 250, 500ml	Điều trị bệnh thiếu hụt Vitamin	IN-37

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
13	Vitamin B Complex Inj	Hỗn hợp Vitamin nhóm B	Chai	100, 250, 500ml	Bổ sung vitamin nhóm B	IN-38
14	Vitamin B Complex Fortified Inj	Hỗn hợp Vitamin nhóm B đậm đặc	Chai	100, 250, 500ml	Điều trị các chứng thiếu hụt vitamin nhóm B	IN-39
15	Maxim-100 Inj	Oxytetracycline	Chai	100, 250, 500ml	Kháng khuẩn Gr(-) và Gr(+)	IN-40
16	Worm Away	Morantel Tartrate, Wheat Midds, Alfafa, Molasses, Calcium carbonate, Sodium chloride	Gói, xô, bao	100, 250, 500g; 1kg 5; 10; 20kg 25kg	Điều trị các bệnh nội, ngoại ký sinh trùng cho dê, bò, cừu	IN-43
17	Swine VTM Grower Finisher	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_6, H, Folic acid, Niacin, Pantothenic acid, Mn, Fe, Zn, Cu, Iodine, Co	Bao, xô, gói	1, 10, 25kg	Cung cấp các vitamin thiết yếu và các khoáng chất	IN-5
18	Soluble ADE	Vitamin A, Vitamin D_3, Vitamin E	Bao, xô, gói	100gr, 1kg, 5kg, 10kg, 25kg	Bổ sung nguồn Vitamin A, D, E	IN-20
19	Swine Grower Finisher	Vitamin A, D_3, E, Riboflavin, Fe, Zn, Cu, Pantothenate acid, Choline	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin và cân bằng vi khoáng cho khẩu phần lợn	IN-29
20	VM 101	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, Calcium Pantothenate, Niacin, Vit B_{12}, Folic acid, Choline Chloride	Bao, xô, gói	100g,1kg, 5kg, 10kg, 25kg	Bổ sung vitamin, axit amin cần thiết và khoáng	IN-41
21	Ferm-A-Zin	Zn, Vitamin C, Methionin, Threonine, Trytophane, amino acid	Bao, xô, gói	100; 250; 500g; 1, 5, 10, 25kg	Bổ sung vitamin, axit amin cần thiết và khoáng	IN-42
22	Vitamix 11	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, H, Niacin, B_{12}, Folic, pantothenate acid	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Hỗn hợp 11 Vitamin thiết yếu	IN-18

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
23	Biovitacon	Vit A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, H, B_{12}, Pantothenate acid, Niacin, Folic acid	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin ở dạng đậm đặc	IN-25
24	Family Pig Balancer	Vitamin A, Vitamin D_3, Vitamin E, Crude protein, Lysine, Calcium	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin, lysine và Calcium	IN-30

5. Công ty Med Pharmex

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Iron Dextran Inj	Iron Dextran	Chai, lọ	100ml	Bổ sung sắt	MPM-1
2	Vitamin A, D_3 Inj	Vitamin A, D_3	Chai, lọ	100ml, 250ml	Bổ sung vitamin A, D_3	MPM-2
3	Fortified B complex	Vitamin nhóm B	Chai, lọ	100ml, 250ml	Bổ sung vitamin tổng hợp B	MPM-3
4	Vitamin & Electrolytes	Vitamin và điện giải	Gói	225g	Bổ sung vitamin tổng hợp B và chất điện giải	MPM-4

6. Công ty Agripharm

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Oxymycin 100	Oxytetracycline	Chai	500ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	RXV-1
2	Vita-Jec B Complex Fortified	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}	Chai	100; 250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin nhóm B	RXV-2
3	Vita-Jec Vitamin B complex	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}	Chai	100; 250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin nhóm B	RXV-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Vita-Jec A + D500	Vitamin A, D_3, E	Chai	100; 250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin nhóm A, D	RXV-4
5	Exit^{TM} Insecticide	Vitamin A, D_3, E	Chai	3,785 lít	Diệt ngoại ký sinh trùng	RXV-8

7. Công ty Fort Dodge Animal Health

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Dicural Oral Solution	Difloxacine	Lọ	250ml	Phòng và trị nhiễm trùng	Tây Ban Nha	FDA-1
2	Duphapenstrep BP	Pencilline Streptomycine	Lọ	100ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gram(-) và Gr(+)	Tây Ban Nha	FDA-2
3	Tinkanium	Trimethoprim Sulfamethazine	Lọ	100ml	Kháng sinh chuyên trị bệnh đường tiêu hóa	Tây Ban Nha	SVI-1
4	Proheart SR-12 injection	Moxidectin	Lọ	10ml	Trị bệnh giun tim cho chó	Australia	FDA-20

8. Công ty Alpharma

TT	Tên sản phẩm (nguyên liệu)	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	3 - Nitro	Roxasone	Gói, túi Thùng	20; 100g; 1; 10kg; 25kg, 50kg	Phòng cầu trùng, tăng trọng. Cải thiện hiệu quả sử dụng thức ăn	USA, China	ALP-01
2	BMD Granulated 10%	Bacitracin methylene disalicylate, Calcium carbonate	Gói Xô Bao	30; 100g; 1kg 2,5; 5kg 25; 50; 100; 200kg	Làm giảm tiêu tốn, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn. Làm giảm vi khuẩn có hại trong đường ruột	USA	ALP-03

TT	Tên sản phẩm (nguyên liệu)	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
3	BMD Soluble 50%	Bacitracin methylene disalicylate soluble, Calcium carbonate	Gói Xô, bao	100; 500g; 1kg 2,5; 5kg 25; 50; 100; 200kg	Làm giảm tiêu tốn, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn. Làm giảm vi khuẩn có hại trong đường ruột	USA	ALP-04
4	Cygro 1%	Maduramicin ammonium	Gói Thùng, bao	100, 500g, 1kg 2.5, 5, 7.5kg 10, 20; 25kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng	China	ALP-05
5	Aurofac 200G	Chlotetracycline	Gói Xô Bao	100, 500g, 1kg 2.5kg, 5kg, 7.5kg 10kg, 25kg	Chống nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	USA, China	ALP-08
6	Avatec 15%	Lasalosis	Gói Xô Bao	100, 500g, 1kg 2.5kg, 5kg, 7.5kg 10kg, 20kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng, kích thích sinh trưởng	USA	ALP-09
7	Aureo SP 250	Chlotetra	Gói Bao	115; 575; 1,15; 2,3; 4 6; 6,9 kg; 22,7 kg	Chống nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	USA	ALP-10
8	Biocox 120G	Salinomycin	Bao	20, 25 kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng	USA, Italy, China	ALP-16
9	Robenz 66G	Tobenidine HCl	Gói, xô, bao	100g; 1; 2,5; 5; 7,5; 10; 20; 25kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng ở gà	Thailand	ALP-17
10	Avatec 20%	Lasalocid sodium	Bao	20; 25kg	Trị cầu trùng trên gia cầm	Italy, USA	ALP-18

TT	Tên sản phẩm (nguyên liệu)	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
11	Alvermec	Ivermectin	Bao	1; 20; 25 kg	Phòng nội, ngoại ký sinh trùng	Korea	ALP-19
12	Tiamulin Hydrogen Fumarate Premix 80% Coated	Tiamulin Hydrogen Fumarate	Gói, bao, hộp	500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị Mycoplasmal hyoneumonia, Actinobacillus pleuropneu-maoniae, lỵ trên heo	China	ALP-20

9. Công ty Zoetis

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Revolution™ 6%	Salemectine	Tuýp	0,25ml	Phòng bệnh ký sinh trùng ở chó, mèo	USA	PFU-7
2	Revolution™ 12%	Salemectine	Tuýp	0,25ml; 0,5ml 1ml; 2ml	Phòng các bệnh ký sinh trùng ở chó, mèo	USA	PFU-8
3	Dectomax	Doramectine	Chai	20ml; 50ml; 100ml; 200ml	Phòng các bệnh ký sinh trùng ở heo, trâu, bò	Brazil	PFU-9
4	Advocin 2,5%	Danofloxacin	Chai	20; 50; 100ml; 250ml	Phòng và trị bệnh trên heo, trâu, bò	Brazil	PFU-10
5	Terramycin/LA	Oxytetracyclin	Chai	10; 100ml	Phòng và trị ỉa chảy, viêm vú, viêm tử cung, mất sữa, hô hấp...	Indonesia, France	PFU-17
6	Rimadyl Chewable tablets	Caprofen	Viên	25mg	Tác dụng giảm viêm, giảm đau dùng điều trị cho chó	USA	PFU-20
7	Rimadyl Caplets	Caprofen	Viên	25mg	Tác dụng giảm viêm, giảm đau	USA	PFU-21
8	Clamoxyl LA	Amoxycilline trihydrate	Chai	50ml; 100ml 250ml	Trị bệnh truyền nhiễm cấp và mãn tính, viêm có mủ	USA, Italia, England	PFU-27

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
9	Clavamox R Drops	Amoxycillin trihydrate, Clavulanate postasium	Chai	15ml	Phòng và điều trị các bệnh nhiễm khuẩn trên chó	USA	PFU-37
10	Clavamox Tablets 62,5mg	Amoxycillin trihydrate, Clavulanate postasium	Hộp	210 viên	Phòng và điều trị các bệnh nhiễm khuẩn trên chó	USA	PFU-38
11	Rimadyl inj	Caprofen	Chai	20 ml	Giảm đau và hạ sốt cho chó đặc biệt giảm triệu chứng trong viêm khớp hoặc thoái hóa khớp	USA, Italia, England	PFU-43
12	Linco-Spectin	Lincomycin hydrochloride, Spectinomycin sulfate	Chai	50; 100; 250ml	Phòng trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa	USA, Bỉ	PFU-54
13	Linco-Spectin 100 Soluble Powder	Lincomycin, Spectinomycin, Sodium benzoate	Chai	150g	Phòng, trị bệnh do Mycoplasma, tiêu chảy do E.coli ở gia cầm	Trung Quốc	PFU-57
14	Neomix 325 Soluble Powder	Neomycin, Sucrose	Chai	100; 200; 500g	Phòng và trị bệnh do E.coli ở lợn, gia cầm, trâu, bò, dê, cừu	Trung Quốc	PFU-58
15	Excenel	Ceftiofur sodium	Lọ	- 1g+20ml dd pha - 4g+80ml dd pha	Trị nhiễm trùng đường hô hấp cho trâu, bò, ngựa, lợn, viêm đường tiết niệu cho chó	USA	PFU-59

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
16	Draxxin®	Tulathromycin, Monothioglycerol	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	Anh, Pháp	PFU-72
17	Excede™ for Swine	Ceftiofur	Lọ	50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên heo	Mỹ	PFU-73
18	Excenel® RTU	Ceftiofur HCl	Lọ	100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên heo; bệnh đường hô hấp, viêm kẽ móng hoại tử, viêm tử cung cấp tính trên trâu, bò	Mỹ	PFU-74
19	Linco-Spectin 44 Premix	Lincomycin, Spectinomycin	Túi, bao	100g; 1; 20; 25kg	Trị viêm phổi, bệnh đường ruột trên heo, gà	Trung Quốc	PFU-77
20	Lincomix 110 Premix	Lincomycin	Túi, bao	100; 500g; 1,5; 3; 4,5; 5; 20; 25kg	Trị lỵ, viêm phổi trên heo. Viêm ruột trên gà	Trung Quốc	PFU-78
21	Linco-Spectin 880 Premix	Lincomycin, Spectinomycin	Túi, bao	100; 500g; 1; 1,5; 3; 4,5; 5; 20; 25kg	Trị hồng lỵ, viêm ruột trên heo	Trung Quốc	PFU-79
22	Lincomix 800 Soluble powder	Lincomycin	Túi, bao	100g; 1; 5; 20; 25kg	Trị hồng lỵ trên heo	Trung Quốc	PFU-81
23	Excede	Cetiofur	Lọ	100ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên bò	Mỹ	PFU-82
24	Lincomix 44 Premix	Lincomycin	Túi, bao	100; 500g; 1,5; 20; 25kg	Trị lỵ, viêm phổi trên heo	Trung Quốc	PFU-83
25	Spectramast LC	Ceftiofur	Ống bơm	10ml	Trị viêm vú giai đoạn cho sữa	Mỹ	PFU-84
26	Spectramst DC	Ceftifour	Ống bơm	10ml	Trị viêm vú giai đoạn bò cạn sữa	Mỹ	PFU-86

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
27	Tolgro 2,5%	Toltrazuril	Chai, thùng	500ml; 1 lít; 2 lít; 5 lít	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên gia cầm	Trung Quốc	PFU-90
28	Jinplus 200G	Tilmicosin Phosphate	Bao, túi, gói	1kg; 5kg; 10kg; 20kg; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn	Trung Quốc	PFU-91

10. Công ty American Veterinary Laboratories Inc (A.V.L)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamin AD_3E	Vitamin A, D_3, E	Chai	50; 100ml	Trị bệnh thiếu vitamin nhóm A, D, E	AVL-2

11. Công ty Nepera, INC

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng	Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Niacinamide Feed Grade (Nicotinamide, Vitamin B_3)	Vitamin B_3	Bao	25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin B_3	NPRU-1

12. Công ty Western Yeast Company

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Western DI-SAN	Saccharomyces cerevisiae	Gói, bao	500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Tăng khả năng tiêu hóa, hấp thu dinh dưỡng, giảm mùi hôi của phân, cải thiện ô nhiễm môi trường	WYU-01

13. Công ty Schering - Plough Animal Health

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Nuflor solution injectable	Florfenicol	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp trâu, bò, lợn	Pháp	MKV-15
2	Nuflor Premix	Florfenicol	Bao	10; 20; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	Mexico, Đài Loan	MKV-16
3	Finadyne solution injectable	Fluxinin meglumine	Chai	10; 50; 100; 250ml	Kháng viêm, giảm đau, và trị bệnh về xương, cơ trên trâu, bò, ngựa	Pháp	MKV-17
4	Nuflor Oral Solution 10%	Florfenicol	Chai, can	500ml; 1; 2; 5l	Trị bệnh hô hấp trên heo, gà	Mexico	MKV-21

14. Công ty Ameco - Bios

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Gromix Pak	Amylase, Protease, Lipase, ZnO, chất chiết xuất từ Yucca, chất đạm, béo, xơ thô	Gói, bao	1; 20; 22,5; 25kg	Tăng hiệu quả sử dụng thức ăn, cung cấp men tiêu hóa, chất đạm, béo, xơ	ABU-4

VENEZUELA

1. Công ty Laboratorios Reveex De Venezuela C.A.

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitavet-B-Amino	Vit A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, K, A. amin	Lọ, bình	1 lít; 5 lít	Cung cấp Vitamin và các acid amin	LRV-01

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Colimox	Amoxycillin (trihydrate), Colistin sulphate	Lọ	100ml	Điều trị bệnh đường hô hấp	LRV-02
3	15-Amox	Amoxycillin (trihydrate)	Lọ	100ml	Phòng, trị các bệnh đường hô hấp	LRV-03
4	Gumbor	Potassium citrate, Sodium citrate, Phenylbutazone (sodium), Vitamin B, B_{12}, C, Menadione sodium bisuulfite, Nicotinamide Trihydrothyl-rutoside	Gói	100g; 1kg	Phòng trị bệnh Gumboro	LRV-05

JAPAN

1. Công ty Asahi Vet Japan

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Colistin 40	Colistin sulfate 4%	Bao	10; 20kgs	Điều trị bệnh tiêu chảy ở heo	ASA-1
2	Colistin 100	Colistin sulfate 10%	Bao	10; 20kgs	Điều trị bệnh tiêu chảy ở heo	ASA-2
3	Colistin Sulfate (Colistin Sulfate Ashahi)	Colistin sulfate	Thùng	10kg	Điều trị bệnh tiêu chảy ở heo	ASA-3

2. Công ty Daiichi Fine Chemical Co., Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	D-calcium Pantothenate	Vitamin B_5	Bao	10; 25kg	Bổ sung vitamin B_5	FUJI-1
2	Daimeton Soda	Sulfamonomethoxine sodium	Gói, thùng, bao	20; 100g; 1; 10; 25kg	Trị sổ mũi truyền nhiễm, cầu trùng, tiêu chảy, viêm phổi	FUJI-3

3. Công ty Meiji Seika Kaisha

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Colimeiji	Colistin sulphate	Thùng	300; 400; 500; 600 BOU	Điều trị các bệnh tiêu chảy ở heo	Trung Quốc, Nhật	MJ-1
2	Colistin sulphate 2%	Colistin sulphate	Gói, bao	100kg	Điều trị các bệnh tiêu chảy ở heo	Trung Quốc, Nhật	MJ-2

4. Công ty Scientific Feed Laboratory

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Trimixliquid	Vitamin A, D_3, E, K, B_2, B_6, B_{12}, Panthenol	Thùng	500ml; 1; 18 lít	Phòng, trị bệnh do thiếu vitamin	SS-4
2	Vitamin E 50%	Vitamin E	Bao	25kg	Phòng, trị bệnh do thiếu vit E	SS-5

5. Công ty Takeda Chemical Industries

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	CVC type A coated Ascorbic Acid	Ascorbic Acid (Vitamin C)	Thùng	25; 50kg	Bổ sung Vitamin C, tăng cường sức đề kháng cho gia súc	TKD-3

6. Công ty Kohkin Chemical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	All Purposes Premix Vitamin for Chicken	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_2, B_6, khoáng lượng: Fe, Cu, Mn, Zn, Methionin, Nicotinamide, Folic acid	Thùng	50kg	Bổ sung vitamin, khoáng. Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, khoáng	KOC-1

7. Công ty Kaken Pharmaceutical Co., Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Colistin sulfate	Colistin sulfate	Thùng	100; 200; 300; 400 bou	Trị tiêu chảy do vi khuẩn E.coli và Salmonella	KKP-1

8. Công ty Kuraray Co., Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Kuraray Vitamin A 500	Vitamin A	Thùng	25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin A	KRRJ-1

9. Công ty Kyoritsu Seiyaku

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Geritomin	Berberine tannate	Gói, bao	50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Trị tiêu chảy, rối loạn chức năng dạ dày - ruột, cải thiện hoạt động hệ tiêu hóa trên gia súc	KSC-2
2	Colistin 20	Colistin sulfate	Gói, bao	50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Trị tiêu chảy trên heo con	KSC-3

NEW ZEALAND

1. Công ty Bomac Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Tylomix	Tylosin	Bao	20kg	Viêm đường hô hấp, viêm phế quản, viêm phổi	BLL-3
2	Kaomide D	Sulfadimidine	Bao	250kg	Nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, sinh dục, tiết niệu	BLL-4
3	Soladeplus	Vitamin ADE	Bao	5kg	Nâng cao sinh sản, kích thích tăng trưởng	BLL-5
4	Tetravet	Oxytetracyclin	Chai	200g	Nhiễm trùng vết thương	BLL-8
5	Tetravet Aerosol Blue	Oxytetracycline HCl	Chai	200g	Trị nhiễm khuẩn ngoài da cho gia súc	BLL-11
6	Tylosol	Tylosin (as tartrate)	Gói	200g; 1kg	Trị bệnh CRD trên gia cầm, viêm phổi, lỵ và viêm hồi tràng trên heo	BLL-12
7	Tilmax 200 premix	Tilmicosin phosphate	Bao	10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn	BLL-14

AUSTRALIA

1. Công ty Jurox Pty Limited

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Moxylan LA	Amoxycillin trihydrate	Chai	100ml, 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, heo, cừu, chó, mèo	JPL-1
2	Erymicin 200	Erythromycin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, heo, cừu	JPL-2
3	Moxylan RTU	Amoxycillin trihydrate	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, heo, cừu, chó, mèo	JPL-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
4	Juraclox LC	Ampiciline, Cloxacillin	Ống, hộp	3g	Trị viêm vú trong giai đoạn tiết sữa do vi khuẩn nhạy cảm với Ampiciline, Cloxacillin gây ra trên bò	JPL-6
5	Maxalac LC	Cefuroxime sodium	Ống, hộp	3g	Trị viêm vú mãn tính do vi khuẩn nhạy cảm với Cefuroxime gây ra ở bò	JPL-7

2. Công ty Troy Laboratories PTY

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Ilium xylazil-20	Xylazine HCl	Lọ	20; 50ml	Giảm trương lực cơ, giảm đau và an thần	TROY-2
2	Ketamil Injection	Ketamine HCl	Lọ	10; 50ml	Gây mê trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, chó, mèo	TROY-3

FRANCE

1. Công ty Doxal

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Robindox	Robenidine 6,6%	Bao	20kg	Điều trị bệnh ký sinh trùng	Doxal - France	DA-1
2	Clopen 25	Meticlorpindol	Bao	25kg	Điều trị bệnh ký sinh trùng	Doxal - Italy, France	DA-6
3	Coccidox	Nicarbazine 25%	Bao	25kg	Điều trị bệnh ký sinh trùng	Doxal - Italy, France	DA-7

2. Công ty Guyomarc'h - VCN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitaflash	Vitamin A, E, B_1, B_2, B_{12}, C, K_3, PP, B_5, Cystine, Methionine, Lysin, Arginine, Tritophane	Gói	20; 50; 100g	Cung cấp vitamin và acid amin cần thiết, trị Gumboro trên gà	GUY-1
2	Covit	Colistine, Oxytetracycline, Vit A, D_3, K_3, E, B_2, B_{12}	Gói	20; 50; 100g	Phòng và trị các bệnh đường ruột, viêm rốn, bệnh hô hấp mãn tính	GUY-2
3	Anticoc	Sulphadimerazine, Diaverdine	Gói	20; 50; 100g	Điều trị bệnh cầu trùng ở gia súc, gia cầm	GUY-4

3. Công ty Merial

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
1	Suanovil 20	Spiramycine	Chai	50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh do vi khuẩn gr(+), Mycoplasma, cho trâu bò, cừu, dê, heo, gà	Pháp	MRA-45
2	Imequyl 20%	Flumequine	Chai	100; 500ml; 60l	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn gr(-), gây cho gà, vịt, thỏ, bê, cừu, heo	Pháp	MRA-49
3	Dovenix	Nitroxynil	Lọ	50; 250ml	Diệt sán lá gan, giun tròn ở các loài thú	Pháp	MRA-60
4	Trypamidium	Chlorhydrat chlorur isométamidium để	Gói	125mg; 1g	Phòng và trị bệnh do Tripano-soma ở trâu, bò, lạc đà, ngựa, chó	Pháp	MRA-61
5	Vitaperos	12 vitamines	Hộp, bao	5; 100g; 25kg	Bổ sung vitamin cho gia súc	Pháp	MRA-62
6	Hematopan B_{12}	Sodium cacodylate	Lọ	50; 100; 250ml	Trị suy nhược thiếu máu cho thú nhai lại, ngựa, heo, chó, mèo	Pháp	MRA-63

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
7	Frontline spray	Fipronil	Bình	100; 250ml	Diệt ngoại ký sinh cho chó mèo	Pháp	MRA-64
8	Heparenol	Sorbitol, Chlorur cholin, Lysine HCl	Bình	1; 5; 60; 200L	Tăng cường chức năng gan, lợi tiểu, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn	Pháp	MRA-94
9	Biodyl	Cyanocobalamin, Selenit, ATP	Chai	50; 100ml	Điều trị các rối loạn cơ cho tất cả các loài vật	Pháp	MRA-109
10	Colisultrix	Colistin-TMP	Gói, hộp	100g; 1kg; 2,5kg; 25kg	Phòng, trị bệnh các vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Trimethoprim	Pháp	MRA-110
11	NP 8	Colistine, Neomycine	Gói, hộp	100g; 1; 2; 5kg	Phòng, trị bệnh các vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và neomycin	Pháp	MRA-111
12	Aleccid	Sulfaquinoxaline Pyrimethamine	Bình	1; 5; 60; 200L	Phòng, trị bệnh cầu trùng	Pháp	MRA-144
13	Cofacoli	Colistine	Gói, hộp	100g; 1; 2; 5; 25kg	Phòng trị bệnh gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin ở gia cầm, thỏ, bê, cừu	Pháp	MRA-150
14	Phosretic	Ethanol B axítaminophosphoric	Gói, hộp thùng	100g; 1; 2,5kg 25kg	Phòng và chữa trị các bệnh có liên quan đến gan và thận	Pháp	MRA-152
15	Trisulmix poudre	Sulphadimethoxine-Trimethoprime	Gói, hộp	100g; 1; 2; 5kg; 25kg	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin và Trimethoprime	Pháp	MRA-154
16	Aureomycine	Chlortetracycline	Hộp	24 viên	Phòng bệnh viêm tử cung ở bò	Pháp	MRA-164
17	Ketofen 10%	Ketoprofene	Lọ	10; 50; 100ml	Kháng viêm	Pháp	MRA-165

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
18	Heartgard Plus Chewables	Ivermectin/pyrantel	Hộp	6 viên (3 loại 3 màu)	Phòng bệnh giun tim, phòng trị các loại giun đũa, giun móc	Pháp, Mỹ	MRA-174
19	Ivomec Premix	Ivermectin	Gói	333g; 5kg	Phòng trị nội ký sinh trùng	Mỹ, Hà Lan	MRA-175
20	Ivomec Injectable	Ivermectin,	Lọ	50ml	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng	Mỹ, Hà Lan, Brasil	MRA-177
21	Frontline spot on cat	Fipronil	Hộp	1 ống (nhỏ giọt 1; 3; 6 x 0,5ml)	Diệt ngoại ký sinh trùng ở mèo	Pháp	MRA-178
22	Frontline spot on dog	Fipronil	Hộp	1 ống (nhỏ giọt 1; 3; 6 x 0,67ml) 1 ống (nhỏ giọt 1; 3; 6 x 1,34ml) 1 ống (nhỏ giọt 1; 3; 6 x 2,68ml)	Diệt ngoại ký sinh trùng ở chó	Pháp	MRA-179
23	Pyrevalgine	Acetylsalicylic, Vit C	Chai	100ml	Giảm đau, hạ sốt	Pháp	MRA-188
24	Amprol 12%	Amprolium	Chai, bình	500ml; 1; 5; 10; 60l	Phòng và trị bệnh cầu trùng gia cầm	Pháp	MRA-189
25	Flumicof 20	Flumequine	Bình	500ml; 1 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine	Pháp	MRA-191
26	Vermizol L	Levamisol HCl; Sodium metabisulphite	Chai	100ml	Thuốc diệt nội ký sinh	Pháp	MRA-194
27	Vitalic	Vitamin A, E, B_1, B_2, B_6, Calcium	Bình	1; 5; 60; 200l	Bổ sung hỗn hợp vitamin cho gia cầm	Pháp	MRA-196

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
		panthothenate, Vit.PP, B_{12}, Biotin					
28	Immiticide	Dichlorhydrate Melarsomine	Hộp	5 lọ thuốc + 5 lọ nước pha	Điều trị bệnh giun tim ở chó	Pháp	MRA-200
29	Imalgène® 1000	Ketamin, Chlorobutanol	Chai	10ml	Gây mê trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	Pháp	MRA-210
30	Cefanil	Ceftiofur HCl	Chai	60; 100; 120ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo. Viêm thối móng trên bê. Viêm tử cung cấp tính trên trâu, bò	Newzealand	MRA-215
31	Certifect™ spot on	Fipronil, Amitraz, (S)-methoprene	Ống tuýp	1.07, 2.14, 4.28, 6.42ml	Phòng và trị ngoại ký sinh trùng trên chó	Pháp	MRA-216

4. Công ty Noe Socopharm

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Ampicoline	Ampicoline, Colistine	Chai	100ml	Điều trị các bệnh truyền nhiễm như MMA, Salmonellosis, E.coli,...	NOEF-1
2	Peni-Strepto 20/20 Noe	Benzylpenicilline, Dihydro streptomycine	Chai	100ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin, Streptomycin	NOEF-2
3	Tarigermel	Cloxacilline benzathine, Monosteanat d'aluminium	Tupe	10ml	Phòng trị các bệnh viêm vú khi không cho sữa	NOEF-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Levamisole 15% Noe	Levamisole chlorhydrate	Chai	250ml	Trị sán cho bò, cừu, dê, heo,...	NOEF-4
5	Oxylon 20	Oxytetracycline	Chai	100ml	Điều trị các bệnh do vi trùng nhạy cảm với Oxytetracycline	NOEF-6
6	Sulfadimerazine 33% NOE	Sulfadimidine	Chai	500ml	Điều trị các bệnh do vi trùng nhạy cảm với Sulfadimidine	NOEF-7
7	Oblets gynaureo	Chlotetracycline	Hộp	100 viên (viên 13g)	Phòng, trị các bệnh đường sinh sản ở gia súc	NOEF-8
8	Inifer 200	Fer complexd extran	Chai	100ml	Phòng, trị bệnh thiếu máu ở lợn	NOEF-9
9	Sulfapram	Sulfamethoxypyridazine, Trimethoprim	Chai	100ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim, Sulfame-thoxypyridazine	NOEF-10
10	Blotic	Propetamphos	Chai	10; 100ml,1; 5l	Diệt côn trùng, ve bét ở trâu, bò, cừu	NOEF-11
11	Calcigluphos	Gluconat canxi, magnesium, acid boric	Chai	250; 500ml	Bổ sung canxi, magnesium, phosphore cho gia súc, gia cầm	NOEF-12

5. Công ty Cevasante Animale

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Veriben	Diminazene aceturate, Excipients	Gói	2,36gr; 23,6gr	Trị ký sinh trùng đường máu	SNF-20
2	Ampisur	Ampicillin, Colistin, Excipients	Chai	50; 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp	SNF-22

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	Cevamycin W.S	Erythomycin, Colistin, Excipients	Gói	100; 400; 1000gr	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa	SNF-23
4	Tenaline 20%	Oxytetracycline, Excipients	Chai	100; 250ml	Phòng, trị viêm nhiễm đường hô hấp	SNF-36
5	Vigosine	Carnitine HCl, Sorbitol, Magnesium, Excipient	Chai	100; 200; 500ml; 1; 5l	Chất điện giải	SNF-56
6	Vetrimoxin L.A	Amoxicillin, Excipients	Chai	50; 100; 250ml	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin	SNF-77
7	Cevamec 1%	Ivermectin, Excipients	Chai	50; 100ml	Ngừa ký sinh trùng	SNF-78
8	Nembutal	Pentobarbitone sodium Excipients	Chai	50; 100ml	Gây mê	SNF-79
9	Vetrimoxin® 50 Matrix	Amoxicillin trihydrate	Túi	5, 10, 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, viêm vú, viêm tử cung	SNF-86

6. Công ty Vetoquinol

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Septotryl Inj	Sulphamethoxypyridazine Trimethoprim	Lọ, chai	50ml, 100ml, 250ml	Trị bệnh gây ra bởi những vi khuẩn nhạy cảm với S. methoxypyridazine, Trimethoprim	VQ-3
2	Fercobsang Inj	Amonium ferrous citrate Vitamine B complex	Lọ, chai	50ml, 100ml, 250ml, 500ml	Trị thiếu máu, rối loạn tăng trưởng, phục hồi thú sau sinh hoặc thú bệnh	VQ-5
3	Vit C Vetoquinol Inj	Ascorbic acid	Lọ	50ml, 100ml	Tăng sức đề kháng trên thú	VQ-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	Stress-Vitam Inj	Vitamin A, D_3, E Vitamin B Complex, Acid amin	Lọ	50ml, 100ml	Bổ sung Vitamin và acid amin cho thú, hỗ trợ tăng trưởng	VQ-7
5	Biocolistine Inj	Ampicillin trihydrate, Colistine	Lọ	50; 100; 250ml	Trị bệnh gây ra bởi những vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Colistine	VQ-9
6	Avemix No 150	Sulphamethoxypyridazine Trimethoprim	Gói, hộp, bao	50, 100g, 1kg, 5kg, 25kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với S. methoxypyridazine, Trimethoprim	VQ-11
7	Amoxinsol 50	Amoxicillin	Gói, hộp	100; 150g; 1; 2,5; 5kg	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin	VQ-13
8	Longamox	Amoxicillin	Lọ	100; 250ml	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin	VQ-15
9	Longicine	Oxytetracycline	Lọ	100ml	Điều trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline	VQ-16
10	Marbocyl Bolus 50mg	Marbofloxacin	Vỉ	6 viên (16 vỉ/hộp)	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin	VQ-17
11	Marbocyl 2%	Marbofloxacin	Lọ	100ml	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin	VQ-18
12	Marbocyl 10%	Marbofloxacin	Lọ	20ml; 50ml	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin	VQ-19
13	Marbocyl 5mg	Marbofloxacin	Vỉ	10 viên (10 vỉ/hộp)	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin	VQ-20
14	Marbocyl 20mg	Marbofloxacin	Vỉ	10 viên (1 vỉ/hộp)	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin	VQ-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
15	Marbocyl 80mg	Marbofloxacin	Vỉ	6 viên (2 vỉ/hộp)	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin	VQ-22
16	Tolfedine 4%	Tolfenamide acid	Lọ	10ml	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với hai hoạt chất trên	VQ-23
17	Diclomam	Ampicillin, Dicloxacillin	Tuýp	3g	Điều trị bệnh viêm vú, viêm tử cung trên bò	VQ-24
18	Vitamin B_{12} Vetoquinol	Vitamin B_{12}	Lọ	5ml (hộp 20 lọ)	Bổ sung vitamin B_{12}	VQ-25
19	Oridermyl	Neomycin, Nystatin	Tuýp	10g, 30g	Điều trị bệnh nấm tai, các bệnh nhiễm trùng tai	VQ-27
20	Sangavet	Diminazene diaceturate, Vitamine B_{12}, Antipyrin	Hộp, gói	2,36g (100 gói/hộp) 23,6g (10 gói/hộp)	Điều trị ký sinh trùng đường máu trên trâu, bò, dê, cừu	VQ-29
21	Phenylarthrite injectable	Phenylbutazone	Chai	100ml	Kháng viêm, giảm đau, giảm sốt	VQ-30
22	Tolfedine CS	Tolfenamic acid	Chai	50; 100ml	Kháng viêm, giảm đau, giảm sốt	VQ-31
23	Magnidazole Force	Albendazole	Vỉ	5 viên (10 vỉ/hộp)	Điều trị sán lá gan	VQ-32
24	Pen-Hista-Strep	Benzylpenicillin, Dihydrostreptomycine	Chai	50; 100; 250ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin, Streptomycin	VQ-33
25	Oxytetracycline 10% Vetoquinol	Oxytetracycline	Chai	50; 100; 250ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	VQ-34

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
26	Doksy RW	Doxycycline	Gói, hộp	100; 500g; 1; 2,5kg	Trị viêm đường hô hấp, tiết niệu, tiêu hóa trên heo, gà	VQ-35
27	Lutricyline plus	Tetracycline HCl, Erythromycine estolate	Hộp	200g	Trị viêm xoang mũi, viêm phổi, thương hàn, nhiễm trùng đường tiêu hóa trên gia cầm, thỏ	VQ-41
28	Colidiaryl	Colistin sulfate, Erythromycine estolate	Gói	30g	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên heo	VQ-42
29	Bac MP	Colistin sulphate	Bao	10; 25kg	Trị bệnh đường ruột trên heo, gia cầm	VQ-43
30	Spectolyn 11/11	Lincomycin hydrochloride, Spectinomycin sulfate	Bao	10; 25kg	Trị viêm phổi, lỵ, viêm khớp, viêm ruột, tiêu chảy trên heo	VQ-44
31	Eservit AD_3EB + Trace Elements	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, K_3, H, PP, D-Pantothenic acid, Choline, Zinc, Manganese, Copper, Iron	Chai	1 lít	Bổ sung Vitamin thiết yếu cho cơ thể động vật	VQ-45
32	Ascotyl 200MP	Tylosin Tartrate	Bao	20kg	Trị viêm ruột hoại tử, viêm phổi trên heo. Trị CRD trên gà	VQ-46
33	Amoxicillin 20% Coated	Amoxicillin Trihydrate	Bao	25kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày ruột, nhiễm trùng tiết niệu - sinh dục, khớp, da trên bê, nghé, lợn, gia cầm	VQ-47

7. Công ty Virbac

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Multibio	Ampicillin, Colistin, Dexamethason	Chai	20; 100, 250ml	Phòng, trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, MMA, bại huyết	VB-6
2	Zoletil 50	Tiletamine base, Zolazepam	Lọ	5g	Gây mê trong thú y	VB-22
3	Zoletil 100	Tiletamine base, Zolazepam	Lọ	10g	Gây mê trong thú y	VB-23
4	Fencare 4%	Fenbendazole	Gói, hộp, xô	12,5; 100g; 1kg; 5kg	Phòng và trị giun sán	VB-29
5	Rilexine 200 LC	Cephalexin	Ống bơm	10ml	Phòng và trị viêm vú cho bò sữa	VB-31
6	Preventic	Amitraz	Hộp	1 vòng	Phòng và trị ve cho chó	VB-38
7	Suramox 5% Premix	Amoxillin	Gói, hộp, bao	50; 100g; 1; 25kg	Phòng và trị các bệnh hô hấp, viêm khớp, nhiễm trùng huyết	VB-39
8	Suramox 50%	Amoxillin	Hộp, bao	1; 5; 25kg	Phòng và trị các bệnh hô hấp, viêm khớp, nhiễm trùng huyết	VB-40
9	Duowin	Pyiproxyfrene, Permethrine	Lọ	250; 500ml	Diệt ve và bọ chét trên chó	VB-43
10	Pulmodox PM 50%	Doxycillin	Gói	100g	Phòng, trị viêm nhiễm đường hô hấp	VB-47
11	Virbamec LA	Ivermectin	Lọ, chai	50; 200; 500ml; 1 lít	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng	VB-48
12	Maxflor L.A	Florfenicol	Lọ	10; 50; 100; 250ml	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiêu chảy do E.coli, Salmonella	VB-49

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
13	Biotec	Spiramycin, Colistin	Chai	100ml	Phòng, trị viêm nhiễm đường hô hấp	AV-8
14	Exotral	Niclosamide, Levamisole	Hộp	12 viên	Trị giun sán cho chó, mèo	AV-17
15	Citius 5%	Ceftiofur chlohidrate	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị viêm nhiễm đường hô hấp ở lợn và bò	VB-51
16	Amphoprim bolus	Sulphamethoxypyri-dazine, Trimethoprim	Hộp	20; 100 viên (10 viên/vỉ)	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulphamethoxypyridazine, Trime-thoprim gây ra cho bê	VB-52
17	Fortius L.A	Enrofloxacin	Chai	50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, niệu dục, nhiễm trùng máu, viêm da, viêm tuyến vú trên bò, dê, cừu, lợn	VB-57
18	Endogard 10	Febantel, Pyrantel, Praziquantel, Ivermectin	Viên	900mg	Trị giun tròn, sán dây và ký sinh trùng máu trên chó	VB-58
19	Shotcox	Toltrazuril	Lọ	100; 200; 500ml; 1; 2; 5; 10; 100; 1000l	Phòng và trị bệnh cầu trùng gà	VB-59
20	Dexoryl	Gentamicin sulfate	Lọ	10g	Trị viêm tai ngoài trên chó, mèo	VB-60
21	Suramox 25% PMX	Amoxicillin	Gói, bao	100; 200; 500g; 1; 1,5; 3; 5; 10; 25kg	Trị bệnh hô hấp, viêm khớp, nhiễm trùng trên heo	VB-62
22	Suramox 50% OSP	Amoxicillin	Gói, bao	100; 200; 500g; 1; 1,5; 3; 5; 10; 25kg	Trị viêm nhiễm hô hấp, tiết niệu, viêm màng não, viêm khớp, nhiễm trùng da, nhiễm trùng máu, hồng lỵ	VB-63

8. Công ty Adisseo

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
1	Microvit B_{12} Promix 10000	Vitamin B_{12}	Thùng, bao	5; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin B_{12}	Pháp	ADSF-01
2	Hydrovit A D_3 E 100-10-40	Vitamin A, D_3, E	Thùng, chai	1; 5; 25; 200 lít	Bổ sung Vitamin A, D_3, E	Pháp	ADSF-02
3	Microvit E Oil Acetate FG	Vitamin E	Thùng	25; 50; 200kg	Bổ sung Vitmin E	Pháp	ADSF-03
4	Microvit A Supra 1000	Vitamine A	Bao	25; 500kg	Bổ sung Vitamin A	Pháp	ADSF-27
5	Microvit $^{TM}AD_3$ Supra 1000-200	Vitamin A, D_3	Bao	25; 500kg	Bổ sung Vitamin A, D_3	Pháp	ADSF-28
6	Microvit K_3 Promix MPB	Vitamin K_3	Bao	25kg	Bổ sung Vitamin A, D_3	Pháp, Ý	ADSF-29
7	Microvit A Supra 500	Vitamin A	Bao	25; 500kg	Bổ sung Vitamin A	Pháp	ADSF-67
8	Microvit A Prosol 500	Vitamin A	Thùng	20kg	Bổ sung Vitamin A	Pháp	ADSF-68
9	Microvit D_3 Prosol 500	Vitamin D_3	Thùng	25kg	Bổ sung Vitamin D_3	Pháp - Hà Lan	ADSF-70
10	Microvit A D_3 Supra 500-100	Vitamin A, D_3	Bao	25kg	Bổ sung Vitamin A, D_3	Pháp	ADSF-71
11	Microvit E Prosol 50	Vitamin E	Thùng	25kg	Bổ sung Vitamin E	Pháp	ADSF-72
12	Microvit E Promix 50	Vitamin E	Bao	25; 500kg	Bổ sung Vitamin E	Pháp	ADSF-73
13	Microvit B_{12} Promix 1000	Vitamin B_{12}	Bao	25kg	Bổ sung Vitamin B_{12}	Pháp	ADSF-74
14	Microvit B_{12} Prosol 1000	Vitamin B_{12}	Thùng	25kg	Bổ sung Vitamin B_{12}	Pháp	ADSF-75
15	Microvit^{TM} H Promix Biotin 2%	Vitamin H	Bao, thùng	5; 25kg	Bổ sung Vitamin H	Pháp	ADSF-76

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
16	Microvit™ B_1 Promix Thiamin Mono	Vitamin B_1	Thùng	25kg	Bổ sung Vitamin B_1	Pháp - Đức	ADSF-77
17	Microvit B_2 Supra 80	Vitamin B_2	Thùng, bao	25kg 20kg	Bổ sung Vitamin B_2	Pháp, Mỹ, Đức	ADSF-78
18	Microvit ™ B_6 Promix Pyridoxine	Vitamin B_6	Thùng	25kg	Bổ sung Vitamin B_6	Pháp, Đức, Trung Quốc	ADSF-79
19	Microvit ™ B_9 Promix Folic Acid	Vitamin B_9	Thùng	25kg	Bổ sung Vitamin B_9	Pháp, Nhật, Trung Quốc	ADSF-80
20	Microvit ™B_3 Promix Niacin	Vitamin B_3	Bao	25kg	Bổ sung Vitamin B_3	Pháp, Thụy Sỹ, Trung Quốc	ADSF-81
21	Hetrazeen Vitamin K_3	Vitamin K_3	Thùng	25kg	Bổ sung Vitamin K_3	Pháp, Ireland	ADSF-82
22	Hetrazeen S Vitamin K_3	Vitamin K_3	Thùng	25kg	Bổ sung Vitamin K_3	Pháp, Ireland	ADSF-83
23	Microvit B_5 Promix D-Calpan	Vitamin B_5	Thùng	25kg	Bổ sung Vitamin B_5	Pháp, Đức, Nhật, Trung Quốc	ADSF-84
24	Microvit A Oil Propionate EP/USP	Vitamin A	Thùng	25; 200kg	Bổ sung Vitmin A	Pháp	ADSF-86
25	Microvit E Oil Acetate EP/USP	Vitamin E	Thùng	25kg	Bổ sung Vitmin E	Pháp	ADSF-87
26	Hydrovit A D_3 E 100-20-20	Vitamin A, D_3, E	Chai, thùng	1; 5; 25; 200 lít	Bổ sung Vitamin A, D_3, E	Pháp	ADSF-88
27	Rhodimet NP 99	DL-methionin	Bao	25; 1000kg	Bổ sung Methionin	Pháp	ADSF-89
28	Rhodimet AT 88	DL-2-hydroxy-4-methylthio-butanoic	Thùng	250; 1150kg	Bổ sung Methionin	Pháp - Tây Ban Nha	ADSF-90

9. Công ty Laboratories Biové

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	2S	Sulfadimidine, Spriamycine	Gói, hộp	1; 5kg	Phòng, trị các bệnh đường hô hấp	BIOVE-1
2	Athricidine	Phenylbutazone	Lọ	100; 250ml	Trị nhiễm trùng, viêm khớp, thấp khớp, viêm cơ tim,...	BIOVE-2
3	Biorepas	Colistin	Gói, hộp	100g	Trị bệnh do VK nhạy cảm với Colistin	BIOVE-3
4	Bioveine Gluconate de Calcium	Calcium, Magnesium	Lọ	250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Calcium, Magnesium	BIOVE-4
5	Colampi I	Colistin, Ampicillin	Lọ, chai	150; 250ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Ampicillin	BIOVE-5
6	Inoxyl Soluble powder	Oxolinic acid	Gói, hộp	100g; 1; 5; 20kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxolinic acid	BIOVE-6
7	Inoxyl Premix 24%	Oxolinic acid	Gói, hộp	1; 5; 20kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxolinic acid	BIOVE-7
8	Neoxyne	Neomycin	Gói, hộp	100g; 1; 4kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin	BIOVE-8-
9	Polyviteda	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_6, C, K_3, PP	Lọ	100; 250ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	BIOVE-10
10	Dextropirine 50	Acetyl Salicylic acid	Túi, gói	100g; 1kg	Tác dụng hạ sốt bê	BIOVE-13
11	Mammitel	Colistin, Cloxacillin	Bơm tiêm	10ml (hộp 18 bơm tiêm)	Điều trị viêm vú, sưng vú	BIOVE-14

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
12	Bioveine Calcium G.M.C Inj	Calcium, Magnesium	Lọ, chai	250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Calcium, Magnesium	BIOVE-15
13	Acti coli B	Colistin	Gói, túi	100g; 1kg	Điều trị các bệnh đường tiêu hóa, tiêu chảy	BIOVE-18
14	Colampi B	Colistin, Ampicillin	Gói, túi	150g; 1kg	Trị viêm phế quản và các bệnh đường hô hấp	BIOVE-19
15	Primazine	Sulfamethoxypyridazine	Lọ, chai	100; 250ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfamethoxypyridazine	BIOVE-21
16	Acti Tetra B	Oxytetracycline	Gói, túi	100g; 1kg; 5kg	Chống nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa và sưng mũi	BIOVE-22
17	Trivitase	Vitamin A, D_3, E	Lọ	100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin A, D, E	BIOVE-23
18	Bio-Pulmone	Diprophyline, Tepine, Turpentin	Lọ, chai	100; 250ml	Điều trị các bệnh phổi	BIOVE-24

10. Công ty Evialis (Franvet)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Doxy 5	Doxycillin	Thùng	1; 5kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycillin	FRAN-1
2	Biotivit	Vitamin A, C, E, K_3, B_1, Lysine HCl, Methionine	Hộp	1; 5kg	Điều trị các bệnh do thiếu vitamin và axit amin	FRAN-2
3	AD_3E-Hydrosol	Vitamin A, D_3, E	Can	1; 5 lít	Điều trị các bệnh do thiếu vitamin trong giai đoạn cai sữa	FRAN-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	B-Maxaviaire	Vitamin B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, PP, H, tiền axit folic	Lọ	100; 500ml	Điều trị các bệnh do thiếu vitamin	FRAN-4
5	Carnitol	Sorbitol, Camitine hydrochloride	Can	1; 5 lít	Bổ sung dinh dưỡng cho gia súc, gia cầm	FRAN-5

11. Công ty Laboratoire Biard

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Biaverm	Niclosamide, Levamisole hydrochlorate	Hộp	12 viên	Thuốc tẩy giun và sán	BA-02
2	Biaprim (Oral Sol)	Sodium sulfamethoxine, Trimethoprim	Chai	125; 250ml, 1; 5 lít	Phòng và trị bệnh tiêu chảy cho heo và gia cầm	BA-03
3	Sodibio	Ampicillin, Colistine, Dexamethasone	Chai	100ml, 250ml	Trị các chứng viêm nhiễm cấp tính	BA-04
4	Pneumobiotique	Spiramycine, Oxytetracycline,	Gói, bao	100; 300; 3kg	Phòng và trị các bệnh nhiễm khuẩn ở phổi	BA-05
5	Anthelminticide 15%	Levamisole hydrochlorate	Chai	100; 250ml	Thuốc tẩy giun	BA-10
6	Sodistrep	Erythromycine, Dihydrostreptomycine	Chai	100; 250ml	Trị các bệnh do nhiễm vi khuẩn Gr(+), Gr(-)	BA-12
7	Biaminthic 5% Oral	Levamisole hydrochlorate	Chai, thùng	250ml, 1; 5 lít	Thuốc tẩy giun	BA-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
8	Sodiazole (Oral Sol)	Levamisole, Bothionol sulfoxide	Chai, thùng	80ml, 1; 5 lít	Thuốc tẩy giun	BA-14
9	Sodiazot (Oral Sol)	L Lysine HCl, Sorbitol, chất chiết xuất từ thảo dược	Chai, thùng	100; 250ml, 1; 5 lít	Điều hòa gan	BA-16
10	Biamycine 20%	Oxytetracycline	Chai	20; 100; 250ml	Thuốc kháng sinh	BA-18
11	Sodicoc (Oral Sol)	Sodium sulfaquinoxaline, Pyrimethamine	Thùng	1; 5 lít	Trị bệnh cầu trùng ở gia cầm và thỏ	BA-19

12. Công ty Inouko Generics

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Inoxel	Ceftiofur	Lọ	1; 4g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Ceftiofur gây ra trên trâu, bò, lợn; trị nhiễm trùng do E.coli, Staphylococcus gây ra trên gà con	ING-1
2	Ivermectine 1%	Ivermectin	Chai	20; 50; 100ml	Phòng trị nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo, lạc đà	ING-2
3	Oxytetra 20% LA	Oxytetracycline	Chai	50; 100ml	Trị viêm phổi, màng phổi, sinh dục, tiết niệu, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo	ING-3
4	Bactyl 10%	Enrofloxacin	Chai, bình	100ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa, các bệnh nhiễm trùng thứ phát trên heo, gia cầm	ING-4
5	Bactyl 5%	Enrofloxacin	Chai	100ml; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa, các bệnh nhiễm trùng thứ phát trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	ING-5

13. Công ty Coophavet

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Cofamox 15 LA	Amoxicillin trihydrate	Chai	100; 250;500ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò	COO-1
2	Dexalone solution	Dexamethasone	Chai	50; 100ml	Chống viêm, dị ứng, shock trên trâu, bò, ngựa, heo	COO-2
3	Cofalysor	Fish hydrolysate, Benzyl alcohol	Chai	50; 100; 250ml	Giúp tăng cường trao đổi chất	COO-3
4	Cofamox 50	Amoxicillin	Hộp, gói	100g, 250; 500g; 1kg	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp trên gia cầm	COO-4
5	Suanovil 50	Spiramycine	Hộp	100; 250; 500g; 1; 2,5; 5; 25kg	Trị bệnh do vi khuẩn Gr(+), Mycoplasma, Pasteurella trên bê, heo, gà	COO-5
6	Ferro 2000	Fe dextran	Chai	50; 100ml	Phòng chứng thiếu máu trên heo con	COO-6
7	Cofavit 500	Vitamin A, D_3, E	Lọ	20; 50; 100; 250ml	Phòng và trị chứng thiếu Vitamin A, D_3, E ở trâu, bò, dê, cừu, heo, thỏ	COO-7
8	Cofacalcium	Calcium gluconate, magnesium hypophosphite	Bình	250; 500ml	Phòng, trị thiếu can-xi và magnê trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, chó, mèo	COO-8
9	Cloxamam	Cloxacilline	Ống	9,1g	Phòng trị bệnh viêm vú bò trong giai đoạn khô	COO-9
10	Cofamox 20	Amoxicillin	Hộp, gói	100g; 1; 2,5; 25kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với amoxilin	COO-10
11	Cofacoli Solution	Colistin	Bình, thùng	500ml; 1; 60; 200l	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với colistin	COO-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
12	CRD 92	Spiramycin, Trimethoprim	Gói, thùng	100g; 1; 2.5; 5; 25kg	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và trimethoprim	COO-12
13	Oxytetra 10 Coophavet	Oxytetracycline	Chai	100ml, 250ml	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	COO-13
14	Ronaxan PS 5%	Doxycycline	Gói, hộp	100g, 1,5; 25kg	Phòng trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	COO-47
15	Ronaxan 20%	Doxycycline	Gói, hộp	100g, 1kg, 5kg, 25kg	Phòng trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	COO-65
16	Oligoselen Vittamin E	Sodium selenite, Vit E	Bình	1; 5; 60; 200L	Bổ sung Vitamine E và Selenium	COO-95
17	Sulfa 33 Coophavet	Sulfadimidine	Chai	100; 500 ml	Điều trị bệnh gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với sulphadimidine	COO-102
18	Ampidexalone	Ampicilline Colistine, dexa	Chai	100 ml	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilline và Colistin	COO-103
19	Polystrongle poudre orale	Levamisole	Gói Bao	100g; 1kg; 25kg	Phòng và trị bệnh do các loại giun tròn nhạy cảm với levamisol	COO-105
20	Remacycline L.A	Oxytetracycline	Chai	50ml; 100ml	Phòng trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline	COO-107
21	Super Layer	Oxytetracycline Vit A, D_3, E, K_3, B_2, B_{12}, Ca, Vit PP, Methionine, Lysine	Gói Thùng	100g; 1; 2,5kg 25kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với oxytetracycline. Bệnh đường tiêu hóa, hô hấp có liên quan đến stress	COO-108

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
22	Trisulmix injectable	Sulphadimethoxine-Trimethoprime	Chai	50, 100ml	Phòng, trị bệnh gây ra do các vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycine và Trimethoprim	COO-114
23	Trisulmix liquide	Sulfadimethoxine-Trimethoprime	Bình	1l, 5l, 60l	Phòng trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxine và Trimethoprime	COO-148
24	Virgocilline	Colistin sulphate, Methylpara hydroxybenzoate Propyl parahydroxybenzoat	Chai, hộp 10 chai	100ml	Điều trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin	COO-195

14. Công ty Qalian

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Bicalphos	Phosphorus, Calcium, Sodium, Magnesium, Zinc, Iron, Manganese, Copper	Can	1; 5; 20l	Bổ sung dinh dưỡng trong thời kỳ động dục và sinh sản	LFR-01
2	Vitabioti	Vitamin A, D_3, B_1, K_3, E, Biotin	Can	1; 5l	Giúp lên giống, tăng trưởng nhanh, bảo vệ da, cải thiện chất lượng lông trên gia súc, gia cầm	LFR-02

(Xem tiếp Công báo số 383 + 384)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng